

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU
LUẬT THỦ ĐÔ SỐ 39/2024/QH15

Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2024 (sau đây gọi tắt là Luật Thủ đô năm 2024). Luật Thủ đô năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (*Trừ 05 nội dung có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025*) thay thế Luật Thủ đô số 25/2012/QH13.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ NĂM 2024

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW) xác định: “*Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị... xây dựng khung pháp lý cho phát triển đô thị thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm đô thị*”.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 15-NQ/TW) xác định mục tiêu đến năm 2030: “*Thủ đô Hà Nội là Thành phố Văn hiến-Văn minh -Hiện đại; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực*”; đặt ra yêu cầu “*rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội*” và giao Ban cán sự đảng Chính phủ chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô (sửa đổi), xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế...

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 30-NQ/TW) đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 21/11/2012, Quốc hội đã thông qua Luật Thủ đô số 25/2012/QH13, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 (sau đây viết tắt là Luật Thủ đô năm 2012). Qua hơn 10 năm thi hành Luật Thủ đô năm 2012, việc thực hiện một số mục tiêu, giải pháp, quy định đề ra trong Luật còn nhiều tồn tại, hạn chế trong các lĩnh vực: Xây dựng, hoàn thiện thể chế và quản lý thực hiện quy hoạch chung, quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, nhất là trong quy hoạch quản lý không gian, không gian ngầm, công trình kiến trúc cổ, bảo tồn và phát triển văn hóa và quy hoạch xây dựng nhà ở, khu đô thị; Quản lý, sử dụng đất, nhất là đất sử dụng cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hạ tầng xã hội, văn hóa, tôn giáo, công trình công cộng phục vụ cộng đồng, dân cư; Cơ chế tài chính, chính sách liên kết vùng, nhất là các chính sách thu hút nguồn lực, thu chi ngân sách để thúc đẩy đầu tư phát triển; Quản lý dân cư, bảo vệ Thủ đô, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; Chính sách an sinh xã hội, phát triển giáo dục, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường...

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế nêu trên là do pháp luật về Thủ đô chưa đầy đủ, chưa phát huy hiệu lực, hiệu quả của các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô với vị trí, vai trò là trái tim của cả nước. Một số quy định của Luật Thủ đô năm 2012 chủ yếu mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thiếu quy định về các cơ chế đặc thù cụ thể. Mặt khác, sau khi Luật Thủ đô năm 2012 có hiệu lực, có nhiều đạo luật chuyên ngành được ban hành để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 có quy định khác với Luật Thủ đô năm 2012 về cùng một vấn đề hoặc bãi bỏ quy định của Luật Thủ đô (như Luật Cư trú bãi bỏ khoản 3, 4 Điều 19 Luật Thủ đô).

Để kịp thời thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW, Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương của Đảng tại các nghị quyết có liên quan; khắc phục những tồn tại, hạn chế; tạo cơ sở pháp lý thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, với mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội “Văn hiến-Văn minh-Hiện đại”, trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và trên thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm với thủ đô các nước phát triển trong khu vực như mục tiêu Bộ Chính trị đề ra, việc ban hành Luật Thủ đô (sửa đổi) là rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý; xây dựng cơ chế đặc thù, vượt trội; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật Thủ đô năm 2012 để xây dựng, phát triển Thủ đô với vị trí, vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, hướng tới đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, các chủ trương có liên quan đến phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng.

- Quy định các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và tuân thủ Hiến pháp năm 2013. Luật Thủ đô (sửa đổi) cần đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật, không phải là đạo luật thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành, áp dụng riêng cho Thủ đô.

- Bám sát 09 nhóm chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) (*Tổ chức chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô; nâng cao năng lực tài chính - ngân sách và huy động nguồn lực cho phát triển của Thủ đô; phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Thủ đô; xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; phát triển văn hóa và giáo dục Thủ đô; huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển hệ thống y tế hiện đại và hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững; liên kết, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước*) đã được Chính phủ thông qua để quy phạm hóa các cơ chế, chính sách cụ thể, thực sự mang tính đặc thù vượt trội và đột phá về thể chế nhằm phát huy thế mạnh của Thủ đô.

- Cụ thể hóa tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù trong Luật để áp dụng được ngay; những vấn đề cần ủy quyền lập pháp thì nên ủy quyền cho các chủ thể có thẩm quyền quy định theo pháp luật hiện hành, bảo đảm tính khả thi và tính đồng bộ. Đồng thời, với việc phân quyền mạnh mẽ, cần quy định tương ứng trách nhiệm của Hà Nội và quy trình, thủ tục, cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các cấp chính quyền Thành phố.

- Kế thừa, phát triển các quy định của Luật Thủ đô năm 2012 đã được triển khai thi hành hiệu quả trên thực tiễn; các cơ chế, chính sách đặc thù đang thí điểm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với Thủ đô. Theo sát quá trình chỉnh lý, hoàn thiện các Luật có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung (tại các Luật: Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản...) để bảo đảm không quy định trùng lặp lại tại Luật Thủ đô (sửa đổi); nếu chưa được xử lý hoặc nội dung chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Thủ đô thì quy định tại Luật Thủ đô (sửa đổi).

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THỦ ĐÔ NĂM 2024

A. BỐ CỤC

Luật Thủ đô năm 2024 gồm 07 chương, 54 điều (tăng 03 chương, 27 điều so với Luật Thủ đô năm 2012). Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 07 điều: từ Điều 1 đến Điều 7).

Chương II. Tổ chức chính quyền đô thị (Chương mới so với Luật Thủ đô năm 2012, gồm 9 điều: từ Điều 8 đến Điều 16).

Chương III. Xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô (gồm 17 điều: từ Điều 17 đến Điều 33).

Chương IV. Tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực phát triển Thủ đô (Chương mới so với Luật Thủ đô năm 2012, gồm 10 điều: từ Điều 34 đến Điều 43).

Chương V. Liên kết, phát triển vùng (Chương mới so với Luật Thủ đô năm 2012 gồm 04 điều: từ Điều 44 đến Điều 47).

Chương VI. Giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô (gồm 05 điều: từ Điều 48 đến Điều 52).

Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, Điều 53 và Điều 54).

B. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THỦ ĐÔ NĂM 2024

Phần I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG (Chương I)

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Thủ đô năm 2024 quy định vị trí, vai trò của Thủ đô; chính sách, trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.

Phạm vi điều chỉnh của Luật tập trung quy định một số cơ chế, chính sách thực sự cần thiết để vừa giải quyết những vấn đề bức xúc trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển lâu dài của Thủ đô; những vấn đề khác thì được điều chỉnh theo quy định của cả hệ thống pháp luật.

2. Vị trí, vai trò của Thủ đô (Điều 2)

Trên cơ sở quy định Hiến pháp năm 2013; Nghị quyết số 15-NQ/TW đồng thời kế thừa Điều 2 Luật Thủ đô năm 2012, Điều 2 của Luật tiếp tục ghi nhận: “*Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội. Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là thành phố trực thuộc trung ương, là đô thị loại đặc biệt, là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế của cả nước*”.

Luật Thủ đô năm 2024 đã bổ sung thêm cụm từ “... là thành phố trực thuộc trung ương, là đô thị đặc biệt” để khẳng định vị trí, vai trò quan trọng cũng như

yêu cầu phải đạt được của Thủ đô theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương¹.

Để tiếp tục bảo đảm thống nhất trong việc lập, phê duyệt các loại quy hoạch trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, khoản 3 Điều 2 Luật Thủ đô năm 2024 quy định: “*Trụ sở cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình, thành phố Hà Nội*”.

3. Áp dụng Luật Thủ đô (Điều 4)

Để tạo cơ sở pháp lý xử lý các xung đột pháp luật trong trường hợp có sự khác nhau giữa Luật Thủ đô năm 2024 với các luật hiện hành có liên quan và các luật ban hành sau ngày Luật Thủ đô năm 2024 có hiệu lực về cùng một vấn đề, nhưng vẫn bảo đảm minh bạch và thứ bậc về hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thủ đô năm 2024 bổ sung Điều 4 quy định về áp dụng Luật Thủ đô.

Quy định về áp dụng Luật Thủ đô nhằm xử lý mối quan hệ giữa Luật Thủ đô với các luật, nghị quyết của Quốc hội, giữa văn bản quy định chi tiết, văn bản do Chính phủ, Bộ, ngành, chính quyền Thành phố ban hành để thực hiện những nội dung được phân quyền trong Luật Thủ đô với văn bản của các cơ quan nhà nước khác là vấn đề rất quan trọng, quyết định đến hiệu quả, hiệu lực thi hành của Luật Thủ đô sau khi được ban hành. Cụ thể:

- Quy định rõ nguyên tắc ưu tiên áp dụng quy định của Luật Thủ đô có nội dung khác với quy định về cùng vấn đề tại các luật, nghị quyết khác của Quốc hội đang có hiệu lực (*khoản 1 Điều 4*).

- Quy định trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Thủ đô về cùng một vấn đề mà cần được áp dụng thì phải quy định cụ thể ngay trong luật, nghị quyết đó (*khoản 2 Điều 4*).

Đồng thời, để dự phòng các trường hợp luật, nghị quyết ban hành sau chưa dự liệu được đầy đủ nội dung áp dụng pháp luật liên quan đến các quy định của Luật Thủ đô, Luật Thủ đô năm 2024 quy định trong trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với Luật Thủ đô về cùng một vấn đề và quá trình triển khai cho thấy áp dụng quy định này cần thiết cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô nhưng việc áp dụng lại chưa được quy định cụ thể trong luật, nghị quyết đó thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ quyết định việc áp dụng theo đề nghị của Chính phủ và nội dung này cần được báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất (*khoản 2, Điều 4*).

Để bảo đảm tính khả thi của quy định trên, Luật Thủ đô năm 2024 quy định khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội thì các Bộ, cơ quan

¹ Khoản 3 Điều 3 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt”.

ngang Bộ phải rà soát các quy định của Luật Thủ đô, nếu có quy định khác về cùng vấn đề với Luật Thủ đô thì cần xác định việc áp dụng theo Luật Thủ đô hoặc áp dụng theo luật, nghị quyết đó (*khoản 2 Điều 50*). Đồng thời, giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề xuất việc áp dụng quy định trong các luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có nội dung khác với quy định của Luật Thủ đô mà việc áp dụng quy định đó sẽ thuận lợi hơn cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội cho ý kiến trước khi báo cáo đề nghị Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định (*điểm đ khoản 5 Điều 52*).

- Để bảo đảm hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung của Luật Thủ đô, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để thực hiện thẩm quyền được giao trong Luật Thủ đô, Luật Thủ đô năm 2024 quy định các văn bản này được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề (*khoản 3 Điều 4*).

Đây là quy định hết sức cần thiết bởi Luật Thủ đô là một đạo luật có tính chất đặc biệt, đặc thù, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền thành phố Hà Nội được thực hiện một số thẩm quyền mà các luật hiện hành khác đang giao cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hay các cơ quan khác ở trung ương thực hiện. Do đó, không thể tránh khỏi trong các văn bản quy định chi tiết hay quy định thực hiện thẩm quyền mà Luật Thủ đô giao có nội dung khác với quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hay các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung được phân quyền trong Luật Thủ đô năm 2024 được rành mạch hơn, khắc phục những vướng mắc lớn trong thực tiễn áp dụng Luật Thủ đô năm 2012 và một số Nghị quyết của Quốc hội thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho một số địa phương hiện đang được triển khai.

4. Trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô (Điều 5)

Điều 5 Luật Thủ đô năm 2024 kế thừa, bổ sung Điều 4 Luật Thủ đô năm 2012, trong đó xác định rõ: “*Xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp, liên tục của các cấp chính quyền và người dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước*”.

5. Biểu tượng của Thủ đô (Điều 6)

Điều 6 Luật Thủ đô năm 2024 tiếp tục kế thừa Điều 6 Luật Thủ đô năm 2012, quy định: “*Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám*”. Biểu tượng này đã được toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô đặc biệt coi trọng, giữ gìn, phát huy. Hình ảnh Khuê Văn Các thường xuyên xuất hiện trong tất cả các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống của Thủ đô, được tuyên truyền, giáo dục gắn với xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội. Biểu tượng này cũng được truyền thông rộng rãi nhằm định vị,

quảng bá hình ảnh của Thủ đô ra thế giới. Hình ảnh Khuê Văn Các đã được khắc họa sâu đậm trong nhận thức, tình cảm, lòng tự hào của mọi người dân Thủ đô, là biểu trưng truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, có giá trị trường tồn cùng Thủ đô Hà Nội.

6. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô (Điều 7)

Điều 7 Luật Thủ đô năm 2024 tiếp tục kế thừa Điều 7 Luật Thủ đô năm 2012 quy định về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô là hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh, động viên, khuyến khích người nước ngoài đã có đóng góp cho Thủ đô, góp phần mở rộng, tăng cường tình hữu nghị giữa Thủ đô Hà Nội nói riêng và đất nước ta nói chung với bạn bè quốc tế. Quy định này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý đối với người được phong tặng vì “Công dân danh dự” không phải là “Công dân” của Việt Nam được quy định trong Hiến pháp và Luật Quốc tịch. Đây là sự bổ sung hình thức khen thưởng chưa được Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành quy định.

Phần II. TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ (Chương II)

Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định nhiệm vụ “Hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, liên thông, phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển, quản lý Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho Thủ đô trên một số lĩnh vực nhằm tạo sự chủ động, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực”.

Luật Thủ đô năm 2024 thể chế hoá đầy đủ những yêu cầu then chốt của Nghị quyết số 15-NQ/TW về nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện tổ chức chính quyền Thủ đô đồng thời luật hoá các quy định đã được qua kiểm nghiệm thực tế là phù hợp của các nghị quyết của Quốc hội về thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác².

1. Tổ chức chính quyền Thủ đô tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền

1.1. Quy định tổ chức chính quyền tại Hà Nội theo mô hình chính quyền đô thị (Điều 8)

² Nghị quyết số 97/2019/QH 14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về Thí điểm tổ chức mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 160/2021/QH14 ngày 08/4/2022 của Quốc hội về Thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội (NQ số 160); Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về Thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính- ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 và Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/5/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, tổ chức chính quyền đô thị của Hà Nội gồm:

- Chính quyền địa phương ở thành phố Hà Nội, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, xã, thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (*khoản 1 Điều 8*).

- Chính quyền địa phương ở phường tại Thành phố là Ủy ban nhân dân phường (*khoản 2 Điều 8*).

Quy định này được xây dựng trên cơ sở kết quả sơ kết 3 năm thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội (không tổ chức Hội đồng nhân dân phường)

1.2. Tăng cường tổ chức bộ máy, nhân sự và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố (Điều 9, Điều 11)

- Hội đồng nhân dân Thành phố được bầu 125 đại biểu Hội đồng nhân dân; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách ít nhất là 25% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoạt động chuyên trách, gồm Chủ tịch, không quá 03 Phó Chủ tịch và các Ủy viên, bảo đảm không quá 11 người; được thành lập không quá 06 Ban để tham mưu về các lĩnh vực cụ thể (tăng 02 Ban so với quy định pháp luật hiện hành) (*khoản 1,2,3 Điều 9*).

- Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố có 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách không quá 09 người; được thành lập không quá 03 Ban tham mưu các lĩnh vực cụ thể (tăng 01 Ban so với quy định pháp luật hiện hành) (*khoản 1,2 Điều 11*).

Các quy định trên nhằm nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong bối cảnh không tổ chức Hội đồng nhân dân phường. Việc tăng số lượng đại biểu chuyên trách không chỉ tăng cường chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp mà còn giúp phát huy các cơ chế dân chủ trực tiếp đảm bảo tốt hơn nữa quyền và lợi ích của cử tri nói riêng, đảm bảo quyền làm chủ của người dân nói chung.

1.3. Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp (Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14)

- Trao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định một số vấn đề đặc thù về tổ chức, nhân sự của Hội đồng nhân dân: số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố hoạt động chuyên trách; quyết định số lượng, tên gọi, phạm vi lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; quy định tiêu chí thành lập, tổ chức các Ban của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố (*khoản 4 Điều 9*); đồng thời Luật quy định phân quyền trực tiếp cho Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố: giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm quyền phê chuẩn Phó Trưởng Ban và các Ủy viên của Ban

(*khoản 3, Điều 9*); thẩm quyền quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất về 03 nội dung liên quan đến các biện pháp giải quyết công việc đột xuất, khẩn cấp, điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp cần thiết (*khoản 5, Điều 9*).

- *Trao quyền Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các vấn đề về tổ chức, biên chế hành chính trên cơ sở đề án do Ủy ban nhân dân Thành phố trình (khoản 4 Điều 9):*

+ Việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, điều chỉnh chức năng, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chưa được quy định hoặc khác với quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên (bảo đảm không vượt quá 15% khung số lượng do Chính phủ quy định);

+ Quy định về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố chưa được quy định hoặc khác với quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên (bảo đảm không vượt quá 10% khung số lượng do Chính phủ quy định);

+ Xác định số lượng biên chế cán bộ, công chức, số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Thành phố quản lý căn cứ vào danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, bảo đảm tỷ lệ giữa tổng số biên chế so với tổng số dân không vượt mức tỷ lệ trung bình của cả nước trình cấp có thẩm quyền quyết định³, giúp bảo đảm nguồn nhân lực công vụ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Thủ đô Hà Nội, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW.

- *Trao quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định: điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; quyết định thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ vào nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật và theo trình tự, thủ tục do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định (khoản 2,3 Điều 10).*

³ Theo quy định hiện nay, việc quản lý biên chế hành chính do Chính phủ quyết định; biên chế sự nghiệp do chính quyền địa phương quyết định sau khi trình xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền. Việc xác định số lượng biên chế căn cứ trên cơ sở Đề án vị trí, việc làm đã được phê duyệt. Tuy nhiên, việc giao biên chế chưa thực sự hợp lý vì chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết về biên chế của thành phố Hà Nội. Ví dụ: Tính theo số dân/biên chế công chức trung bình tại 63 tỉnh, thành phố (tính đến tháng 6/2021) bằng 686 người dân/01 công chức. Trong khi, Hà Nội là: 8.053.663 người dân/7.927 công chức, bằng 1.016 người dân/01 công chức. Đối với một số lĩnh vực như giáo dục và y tế, việc bố trí nguồn lực gặp nhiều khó khăn do tốc độ đô thị hóa và tăng dân số cơ học tại địa phương, nhu cầu học tập tăng, trong khi biên chế viên chức giáo dục giảm; dẫn đến áp lực từ cử tri, xã hội lên hệ thống giáo dục là rất lớn. Từ năm 2015 đến nay, Hà Nội không được tăng biên chế viên chức, dẫn đến khó khăn trong việc bố trí giáo viên, cán bộ y tế theo tốc độ tăng dân số ngày một cao” (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi))

- *Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường* trong bối cảnh không tổ chức Hội đồng nhân dân phường, trong đó chú trọng các điểm mới về phân định nhiệm vụ trong các lĩnh vực: thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước (*UBND phường có nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc UBND quận, thị xã, thành phố trực thuộc thành phố*), thực hiện các thẩm quyền về đầu tư công (*UBND phường đề xuất và UBND quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công tại các phường trực thuộc*) (Điều 12, Điều 13).

Ủy ban nhân dân phường được quyết định các nội dung mà theo quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác phải do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định hoặc phải được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua trước khi quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*điểm e khoản 1 Điều 13*). UBND phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*khoản 2 Điều 13*).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường; giao quyền Chủ tịch UBND phường theo quy định của pháp luật (*khoản 2 Điều 12*).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu UBND phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, UBND, Chủ tịch UBND quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định và theo phân cấp, ủy quyền (*khoản 4, Điều 13*).

Mục đích điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính tại các quy định trên theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp tại Thủ đô nhằm tạo sự chủ động, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của chính quyền các cấp Thủ đô.

1.4. Quy định nguyên tắc, nội dung việc phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân (Điều 14)

- Quy định việc phân cấp, ủy quyền của UBND Thành phố cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố hoặc UBND cấp huyện, UBND cấp xã; phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; việc ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố cho Phó Chủ tịch UBND Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện (*khoản 1 Điều 14*).

- Quy định việc phân cấp, ủy quyền của UBND cấp huyện cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; việc ủy quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện cho Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu cơ quan

chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện hoặc Chủ tịch UBND cấp xã (*khoản 2 Điều 14*).

- Quy định việc uỷ quyền giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố cho UBND cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (*khoản 3 Điều 14*).

- Quy định việc uỷ quyền của UBND, Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã (*khoản 4 Điều 14*).

Để đảm bảo việc giám sát, kiểm soát thực hiện quyền lực trong thực hiện cơ chế phân cấp, uỷ quyền, Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được uỷ quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã, được phân cấp, uỷ quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; UBND Thành phố ban hành văn bản quy định việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết công việc phù hợp với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, uỷ quyền bảo đảm yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, không quy định thêm thành phần hồ sơ, không tăng thêm yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết thủ tục đang áp dụng (*khoản 6, 7 Điều 14*).

2. Thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển Thủ đô (Điều 15, Điều 16)

Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định phương hướng: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có năng lực, trình độ cao, chuyên nghiệp, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến cho sự nghiệp phát triển Thủ đô. Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế; thực hiện tốt cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, vì lợi ích chung theo quy định”.

2.1. Thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao (Khoản 1,2 Điều 15; khoản 1 Điều 16)

- *Mở rộng đối tượng thu hút*: công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội, có kinh nghiệm thực tiễn, đang làm việc ở trong nước, ở ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô; Người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm thực tiễn, có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao (*điểm a, c khoản 1 Điều 16*).

- *Đa dạng hoá hình thức thu hút, tuyển dụng*: đối tượng thu hút là công dân Việt Nam có thể được xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức hoặc được ký hợp đồng để thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ kể cả đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trong tất cả các lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, y tế, giáo dục- đào tạo, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông...; đối tượng thu hút là

người nước ngoài được ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô. Quy định này sẽ tạo ra khả năng liên thông trong thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư (*Điều 16*).

Luật cũng giao quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND cấp huyện được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong các cơ quan đó (*khoản 2 Điều 15*).

- *Chế độ đãi ngộ*: chế độ đãi ngộ linh hoạt phù hợp với từng đối tượng và hình thức thu hút (được xét tuyển, tiếp nhận hay ký hợp đồng) và được giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định (*điểm d khoản 1 Điều 16*).

Các quy định trên nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ máy hành chính chuyên nghiệp, năng động, hiện đại và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, khắc phục các bất cập, hạn chế của chính sách trọng dụng nhân tài ở Hà Nội thời gian qua.

2.2. Thống nhất một chế độ công vụ, công chức từ cấp xã và chế độ sử dụng, đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (khoản 1 Điều 15)

Cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn là cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hằng năm cho cấp huyện, được bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi, linh hoạt và chủ động để thực hiện việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác giữa cán bộ, công chức ở cấp xã và cấp huyện, đồng bộ hoá, chính sách về lương, ngạch bậc công chức, chế độ đãi ngộ ...

2.3. Quy định thực hiện chế độ hưởng thu nhập tăng thêm căn cứ theo năng lực, hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức (khoản 3 Điều 15)

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; tham khảo kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh, Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố sử dụng nguồn tăng thu và nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện chế độ chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố quản lý.

Việc quy định về chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô để giúp họ bảo đảm đời sống, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài, có hiệu quả cho sự phát triển của Thủ đô. Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố sử dụng nguồn tăng thu và nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện chế độ chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức không vượt

quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (*điểm a khoản 1 Điều 35*).

2.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô (khoản 2 Điều 16)

Tập trung vào các biện pháp:

- Xác định các ngành, lĩnh vực trọng điểm cần ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cao;

- Sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thành phố; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề tại các cơ sở đào tạo nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý và học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thành phố;

- Hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, hỗ trợ học phí cho học sinh học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao của Thành phố.

Phần III. XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ THỦ ĐÔ (Chương III)

1. Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô; biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch; quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị (Điều 17, 18, 19, 20)

Nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW về “Tập trung triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng, ổn định dân cư hai bên bờ sông Hồng và sông Đuống, quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị, không gian xanh và không gian công cộng”, tạo sự linh hoạt, chủ động cho thành phố Hà Nội, Luật Thủ đô năm 2024 quy định một số chính sách đặc thù, khác với các luật hiện hành, cụ thể như sau:

1.1. Về quy hoạch (Điều 17, Điều 18)

- Quy định đối với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô là phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn minh, văn hiến, hiện đại, phát triển bền vững, môi trường sống trong lành, an ninh nguồn nước với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông của thành phố Hà Nội (*khoản 1 Điều 17*).

- Quy định tập trung nguồn lực, ưu tiên tổ chức thực hiện quy hoạch phân khu sông Hồng và sông Đuống phù hợp với Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cho phép xây dựng các tuyến đê mới phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và quy hoạch khác có liên quan để khai thác hiệu quả quỹ đất. Trên bãi sông được phép tồn tại một số khu vực dân cư hiện hữu và được phép xây dựng mới công trình, nhà ở với tỷ lệ thích hợp theo quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch khác có liên quan; các khu vực bãi sông, bãi nổi còn lại được phép xây dựng các công trình dành cho không gian công cộng,

công trình phục vụ mục đích công cộng nhưng không tôn cao bãi sông, bãi nổi để đảm bảo yêu cầu không làm cản trở dòng chảy (*khoản 2 Điều 17*).

- Quy định thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đề trên địa bàn Thành phố theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô và các quy hoạch khác có liên quan để bảo đảm thực hiện quy hoạch tại bãi sông, bãi nổi (*khoản 7 Điều 18*). Theo đó, đất tại bãi sông, bãi nổi có thể được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp tham quan, giáo dục trải nghiệm, du lịch trải nghiệm để phát huy, khai thác có hiệu quả tiềm năng về quỹ đất, vị trí địa lý, không gian văn hóa ở các khu vực này.

Đây là nội dung mới so với quy định của pháp luật hiện hành, chuyển thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư từ Thủ tướng Chính phủ về cho Thành phố, thể hiện sự phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền địa phương trong việc phát huy tiềm năng, tận dụng quỹ đất nông nghiệp sẵn có nhưng vẫn phù hợp với mục tiêu quản lý và bảo vệ đề điều, phòng, chống thiên tai.

- Phân quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật và giao Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành trình tự, thủ tục thực hiện việc điều chỉnh (*khoản 3 Điều 17*)⁴.

1.2. Về biện pháp thực hiện quy hoạch (Điều 18, Điều 19, Điều 20)

a) Biện pháp thực hiện quy hoạch khu nội đô lịch sử, đô thị trung tâm

- Quy định không mở rộng diện tích đất của các bệnh viện hiện có, không mở rộng, xây mới các cơ sở sản xuất công nghiệp, khu, cụm công nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp kể cả việc không đặt địa điểm đào tạo nếu trước đó không có trụ sở đào tạo tại khu vực nội đô lịch sử (*Khoản 1 Điều 18*).

- Quy định thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan đơn vị trong đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô. Theo đó, Chính phủ và Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định bố trí quỹ đất phù hợp với quy hoạch, danh mục, biện pháp và lộ trình di dời đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình; Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm bố trí quỹ đất phù hợp với quy hoạch để các cơ quan, đơn vị thực hiện di dời đồng thời có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ đất sau di dời đúng mục đích được quy định tại Luật dành cho khu nội đô lịch sử và khu vực khác ở đô thị trung tâm (*khoản 2, 3, 4, 5 Điều 18*).

b) Biện pháp thực hiện quy hoạch các trục đường giao thông trên địa bàn Thành phố

⁴ Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch khu chức năng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thuộc Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ.

Khi đầu tư xây dựng mới trục đường bộ, đường sắt đô thị hoặc mở rộng trục đường bộ hiện có theo quy hoạch trên địa bàn Thành phố, cơ quan lập quy hoạch đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận đường bộ, đường sắt đô thị để thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ theo đúng quy hoạch. Ủy ban nhân dân Thành phố phải báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định vị trí, ranh giới, diện tích đất trước khi quy hoạch chi tiết được phê duyệt; việc thu hồi đất vùng phụ cận phải được triển khai cùng với việc triển khai dự án phát triển đường bộ, đường sắt đô thị (*khoản 6 Điều 18*).

c) Biện pháp thực hiện quy hoạch không gian ngầm

Nghị quyết 06-NQ/TW đã yêu cầu: “*Sớm xây khung pháp lý cho phát triển đô thị thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm đô thị*”; Nghị quyết 15-NQ/TW cũng chỉ rõ nhiệm vụ: “*Quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị*”. Để bảo đảm thực hiện quy hoạch không gian ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội⁵, Điều 19 Luật Thủ đô năm 2024 quy định về việc quản lý, khai thác và sử dụng không gian ngầm đô thị của Thủ đô, đặc biệt là không gian ngầm tại khu vực đô thị trung tâm, khu vực nội đô lịch sử của Hà Nội để phục vụ phát triển giao thông tĩnh, dịch vụ thương mại hỗ trợ công cộng, bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan tại khu vực này.

- Quy định các nguyên tắc về quản lý, sử dụng không gian ngầm (*khoản 1 Điều 19*).

- Quy định không gian ngầm phải được phân vùng chức năng để quản lý, khai thác, sử dụng. Luật giao Chính phủ quy định mức giới hạn độ sâu, bảo đảm phù hợp với đặc điểm địa chất và tiềm năng khai thác, sử dụng không gian ngầm và phù hợp với quy hoạch không gian ngầm của từng khu vực. Trong giới hạn độ sâu đó, tổ chức, cá nhân sử dụng đất thuộc địa bàn Thành phố được sử dụng, khai thác lòng đất theo chiều thẳng đứng trong phạm vi ranh giới thửa đất tính từ mặt đất xuống. Ngoài giới hạn độ sâu này, người sử dụng đất muốn sử dụng lòng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt và phải trả tiền sử dụng không gian ngầm, trừ một số trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng không gian ngầm đối với công trình ngầm không nhằm mục đích kinh doanh, công trình thuộc danh mục khuyến khích đầu tư xây dựng hoặc trường hợp khác do Chính phủ quy định (*khoản 2 Điều 19*).

- Giao Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục các công trình ngầm được khuyến khích đầu tư xây dựng (*khoản 3 Điều 19*).

d) Biện pháp cải tạo, chỉnh trang đô thị

Trên cơ sở kế thừa một số nội dung của Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Luật Thủ đô năm 2012, Luật Thủ đô năm 2024 quy định một số biện pháp mới, đặc thù

⁵ Đồ án Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt theo Quyết định số 913/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 15/3/2022.

nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong cải tạo, chỉnh trang đô thị phù hợp với các quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị đã được phê duyệt, cụ thể:

- Quy định việc cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn Thành phố được triển khai thực hiện theo dự án, bao gồm: dự án tái thiết một khu vực đô thị cụ thể từ dự án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng; dự án chỉnh trang công trình hoặc một nhóm công trình xây dựng tại một khu vực cụ thể; dự án bảo vệ, tu bổ công trình hoặc một nhóm công trình, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan đô thị; dự án cải tạo, chỉnh trang hỗn hợp gồm các công trình xây dựng mới, công trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo vệ, tu bổ (*khoản 2 Điều 20*).

- Quy định đầy đủ, chặt chẽ các trường hợp ở khu vực đô thị được và cần thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị (*khoản 3 Điều 20*), bao gồm:

+ Khu vực đô thị có các công trình xây dựng có kết cấu, khoảng cách giữa các công trình không bảo đảm quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

+ Khu vực đô thị có các công trình xây dựng thuộc diện nguy hiểm, xuống cấp, có nguy cơ sập đổ thuộc trường hợp buộc phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về nhà ở; khu vực có hạ tầng giao thông không bảo đảm yêu cầu về an toàn giao thông theo quy định của pháp luật về giao thông;

+ Khu vực đô thị không bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đơn vị ở mà không còn đủ quỹ đất để phát triển bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

+ Khu vực đô thị không phù hợp với quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị; khu vực đô thị có chỉ tiêu dân số vượt quá tiêu chuẩn, quy chuẩn của đơn vị ở cần di dời để giảm mật độ dân cư theo quy hoạch;

+ Khu vực đô thị có các công trình kiến trúc có giá trị, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cần được bảo vệ, tu bổ nhưng có các công trình xây dựng xung quanh không phù hợp với việc bảo vệ;

+ Khu vực đô thị có trụ sở cơ quan, đơn vị, cơ sở phải di dời theo quy định của pháp luật, có cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ hoặc để xảy ra sự cố gây mất an toàn cho sức khỏe, tính mạng của người dân.

- Quy định cụ thể việc thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị trong các trường hợp: toàn bộ các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất tại khu vực đô thị thực hiện cải tạo, chỉnh trang đồng thuận góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai theo quy định pháp luật về đất đai; Ủy ban nhân dân Thành phố xác định cụ thể khu vực cần cải tạo chỉnh trang và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; trường hợp cấp bách cần cải tạo, chỉnh trang đô thị mà không lựa chọn được nhà đầu tư thì Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi đất, tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất (*khoản 4, 5, 6 Điều 20*).

- Quy định việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trong khu chung cư hoặc khu đô thị theo quy định của pháp luật về nhà ở chỉ được thực hiện khi phù hợp với quy hoạch và yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đối với cả khu chung cư (*khoản 7 Điều 20*).

- Quy định việc cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc có giá trị có nhiều chủ sở hữu và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ kiểm định chất lượng công trình và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện cải tạo, chỉnh trang (*khoản 8 Điều 20*).

- Quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết việc thực hiện các biện pháp cải tạo, chỉnh trang đô thị, quy định trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu trong việc kiểm định chất lượng nhà chung cư, cơ chế hỗ trợ kiểm định, di dời, bồi thường, tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ, khuyến khích thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (*khoản 9 Điều 20*).

- Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; ban hành Quy chế quản lý công trình kiến trúc có giá trị; quyết định việc đấu giá quyền thuê biệt thự cũ, nhà thuộc tài sản công không sử dụng cho mục đích để ở để phát triển du lịch, kinh doanh dịch vụ gắn với cam kết giữ gìn, tu bổ, bảo trì công trình (*khoản 10 Điều 20*).

- Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Quỹ bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô. Đây là quỹ tài chính ngoài ngân sách, được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác để góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử (*khoản 11 Điều 20*).

Các quy định này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc vận hành cơ chế cộng đồng trách nhiệm giữa chính quyền thành phố, nhà đầu tư và cộng đồng dân cư, cộng đồng các chủ sở hữu, những người sử dụng đất trong việc huy động và sử dụng các nguồn vốn cho việc cải tạo, chỉnh trang đô thị theo các dự án phù hợp với từng khu vực đô thị, từng trường hợp cụ thể đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước, xã hội, nhà đầu tư và cá nhân, tổ chức có quyền, lợi ích và nghĩa vụ liên quan.

2. Về phát triển văn hoá, thể thao, du lịch; phát triển giáo dục và đào tạo; y tế; an sinh xã hội Thủ đô

2.1. Phát triển văn hóa, thể thao, du lịch (*Điều 21; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 41; khoản 1, 2 Điều 43*)

Để thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển Thủ đô “*Văn minh - Văn hiến - Hiện đại*”, Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định nhiệm vụ: “*Tập trung phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô*”.

Trên cơ sở kế thừa các nội dung về văn hoá tại Điều 11 Luật Thủ đô năm 2012, Điều 21 Luật Thủ đô năm 2024 quy định nhiều biện pháp có tính nổi trội, đột phá nhằm thể chế hoá Nghị quyết số 15-NQ/TW, các văn bản của Trung ương và Thành phố về phát triển văn hoá, thể thao đồng bộ với phát triển kinh tế, đề văn hoá, thể thao, du lịch trở thành nguồn lực phát triển mới của Thủ đô⁶.

a) Tập trung nguồn lực để bảo vệ và phát triển các giá trị di sản văn hóa⁷ và đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá, thể thao mới, tiêu biểu của Thủ đô

- Luật xác định cần tập trung nguồn lực để bảo vệ và phát triển giá trị văn hóa (*khoản 3 Điều 21*):

- + Khu vực Ba Đình;
- + Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh;
- + Di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các di sản văn hóa khác được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới;
- + Khu di tích Cổ Loa và các di tích quốc gia đặc biệt khác, các di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể thuộc danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn Thành phố; di tích cấp Thành phố; di sản văn hóa trong danh mục được kiểm kê;
- + Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, khu vực Hồ Tây;
- + Phố cổ, làng cổ, làng nghề, làng có nghề truyền thống tiêu biểu;
- + Công trình kiến trúc có giá trị.

- Về biện pháp thực hiện, Luật quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành: Danh mục cụ thể các khu vực, di tích, di sản, công trình quy định được tập trung nguồn lực bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử; Quy định việc lập hồ sơ quản lý công trình kiến trúc có giá trị, việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức cải tạo, bảo vệ khu vực, công trình kiến trúc có giá trị có nhiều chủ sở hữu (*khoản 4 Điều 21*); Quy định các biện pháp ưu tiên đầu tư nguồn lực và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cho việc bảo vệ và phát triển văn hóa, thể thao Thủ đô (*khoản 2, Điều 21*).

b) Chính sách, chế độ ưu đãi đặc thù đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao

⁶ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2023 - 2025.

⁷ Theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn Thành phố: có số lượng di tích đứng đầu cả nước gồm 5.922 di tích các loại; trong đó có 05 di sản thế giới, dẫn đầu cả nước về số lượng nghệ nhân trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể được Nhà nước phong tặng.

Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành hoặc chưa có trong quy định của cơ quan nhà nước cấp trên tùy theo khả năng cân đối ngân sách Thành phố đối với:

- Nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể (*khoản 5 Điều 21*);

- Vận động viên, huấn luyện viên tham gia đào tạo, huấn luyện tại các bộ môn thể thao thành tích cao, tập huấn đội tuyển thể thao thành tích cao của Thành phố và quốc gia; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế (*khoản 5 Điều 21*);

- Vận động viên, huấn luyện viên, người hoạt động nghệ thuật bị tai nạn, suy giảm sức khỏe do đào tạo, huấn luyện, thi đấu, biểu diễn nghệ thuật; vận động viên, huấn luyện viên, người hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp được học nghề để chuyển nghề khi không còn đáp ứng yêu cầu thi đấu, huấn luyện, hoạt động nghệ thuật (*khoản 5 Điều 21*);

- Quy định mức thưởng bổ sung đối với người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được tặng giải thưởng cao của khu vực và quốc tế (*khoản 6 Điều 21*).

c) Xây dựng trung tâm công nghiệp văn hoá sử dụng nguồn lực của Thủ đô

Luật quy định thành phố Hà Nội được xây dựng trung tâm công nghiệp văn hóa tại bãi sông, bãi nổi sông Hồng và khu vực khác có lợi thế về vị trí không gian văn hóa phù hợp với quy hoạch. Đồng thời, giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập; việc tổ chức, hoạt động, biện pháp quản lý và chính sách ưu đãi được áp dụng đối với trung tâm công nghiệp văn hóa sử dụng nguồn lực của Thành phố (*khoản 7 Điều 21*).

Quy định này là quy định mới, đặc thù của Luật Thủ đô năm 2024, nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW về việc ưu tiên phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch, nhất là du lịch văn hoá của Thủ đô thành ngành kinh tế mũi nhọn⁸. Quy định này sẽ tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp văn hóa mà Thủ đô có nhiều thế mạnh, hiện thực hoá chủ trương phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa, đồng thời gắn kết mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa với xây dựng Thành phố sáng tạo để Thủ đô xứng tầm là thành viên của mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước.

d) Thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa

Luật quy định thành phố Hà Nội được thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa trên cơ sở các khu phố, tuyến phố, làng nghề, điểm dân cư nông thôn hiện hữu, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện về văn hóa kinh doanh, an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút, phát triển du lịch,

⁸ Hà Nội đặt mục tiêu phần đầu doanh thu từ công nghiệp văn hóa đạt 5% GRDP của Thành phố vào năm 2025, 8% vào năm 2030 và 10% vào năm 2045 so với 3,7% GRDP của Thành phố vào năm 2018 (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2024 của Bộ Tư pháp về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi)).

phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện điều kiện sống của người dân, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống (*khoản 8 Điều 21*).

Các khu phát triển thương mại và văn hóa này là các khu được thành lập, tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản do một Hội đồng quản lý, điều hành gồm đại diện chính quyền cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, đại diện của cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cộng đồng dân cư trong khu vực thực hiện. Việc thành lập, quản lý, điều hành, cơ chế thu, chi, mục tiêu và phương hướng phát triển của các khu này được thực hiện theo đề án do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố và Quy chế mẫu do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành (*khoản 8 Điều 21*).

Đây là một biện pháp mới, đặc thù có tính đột phá nhằm thúc đẩy hợp tác công tư giữa chính quyền với cộng đồng dân cư trong phát triển văn hoá kết hợp thương mại, du lịch.

g) Quy định cơ chế huy động nguồn lực để phát triển văn hoá, thể thao

- *Áp dụng phương thức đối tác công tư đối với các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao* trên địa bàn Thành phố với quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư được thực hiện giống như quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo (*khoản 1 Điều 39*);

- *Áp dụng các ưu đãi đầu tư cao hơn quy định hiện hành* về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, về thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư khi có các dự án đầu tư mới vào lĩnh vực thể thao; các ngành công nghiệp văn hoá bao gồm quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa, văn hóa ẩm thực theo danh mục chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định (*khoản 1, 2 Điều 43*);

- *Áp dụng cơ chế ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hoá, thể thao, công trình kiến trúc có giá trị là tài sản công do cơ quan, tổ chức đang được giao quản lý, sử dụng với nhà đầu tư, doanh nghiệp để khai thác công trình, hạng mục công trình trong thời gian nhất định* (*khoản 1, 2 Điều 41*), nhằm tạo cơ chế tài chính đặc thù khai thác, vận hành và bảo trì có hiệu quả, đúng công năng của công trình văn hóa, thể thao; tổ chức nhiều hơn, rộng rãi hơn các hoạt động văn hóa, thể thao đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

2.2. Phát triển giáo dục và đào tạo (*Điều 22; khoản 2 Điều 43*)

Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định phương hướng phát triển giáo dục của Thủ đô “*Thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế*”. Luật Thủ đô năm 2024 xác định mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo Thủ đô: “*Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo để Thủ đô là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với*

quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế” (khoản 1 Điều 22).

Luật Thủ đô năm 2024 kế thừa quy định về giáo dục tại Luật Thủ đô năm 2012 đồng thời bổ sung quy định một số chính sách đặc thù nhằm phát triển giáo dục và đào tạo của Thủ đô hướng theo mục tiêu trên. Cụ thể:

a) Cho phép cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục nước ngoài và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ (khoản 3 Điều 22)

Pháp luật hiện hành mới chỉ cho phép các cơ sở giáo dục tư thục thực hiện việc liên kết đào tạo⁹. Quy định mới này của Luật Thủ đô năm 2024 là nhằm tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy phát triển các loại hình liên kết đào tạo trong nước - quốc tế trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập, nâng cao chất lượng đào tạo của giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập Thủ đô, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, trẻ em được tiếp cận với giáo dục chất lượng cao.

b) Phân quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù, khác với pháp luật hiện hành về phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thành phố

- Quy định cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục nước ngoài (*điểm a khoản 4 Điều 22*).

- Hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thành phố không phân biệt trường công lập, dân lập và trường tư thục; hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội (*điểm b khoản 4 Điều 22*).

Hiện nay, pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục nước ngoài nên việc quản lý tài chính gặp nhiều khó khăn. Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định về hỗ trợ giá dịch vụ cho học sinh không phân biệt công lập và tư thục¹⁰. Các quy định này sẽ góp phần thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư mở rộng hệ thống các trường tư thục, từng bước giảm tải cho hệ thống trường công, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội.

c) Phân quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số nội dung đặc thù, vượt trội so với pháp luật hiện hành về giáo dục chất lượng cao và bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục

⁹ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

¹⁰ Khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục quy định học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

- Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về giáo dục chất lượng cao:

+ Các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học (*điểm a khoản 5 Điều 22*);

+ Trình tự, thủ tục công nhận, thu hồi quyết định công nhận cơ sở giáo dục chất lượng cao; việc đánh giá, kiểm định, bảo đảm duy trì chất lượng của cơ sở giáo dục chất lượng cao (*điểm b khoản 5 Điều 22*). Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận, thu hồi quyết định công nhận cơ sở giáo dục chất lượng cao (*khoản 6 Điều 22*).

Mô hình giáo dục chất lượng cao tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đã được quy định tại Luật Thủ đô năm 2012. Những quy định cụ thể về trường chất lượng cao trong Luật Thủ đô năm 2012 áp dụng ổn định từ năm 2013 đến nay¹¹. Vì vậy, quy định này của Luật Thủ đô năm 2024 là việc hoàn thiện và luật hoá các quy định đã qua kiểm nghiệm thực tế.

- Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với một số môn học,¹² hoạt động giáo dục bổ trợ tại cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô, góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu nâng cao hiểu biết và lưu truyền những kiến thức, giá trị, nét đẹp văn hóa đặc trưng riêng của Thủ đô đồng thời tăng tính chủ động, tư duy sáng tạo của học sinh; đưa chương trình giáo dục của Thủ đô tiệm cận gần hơn với nền giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới (*điểm c khoản 5 Điều 22*).

d) Áp dụng ưu đãi đầu tư

Ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học; cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội; cơ sở đào tạo người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Nhà đầu tư có các dự án trên được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, về thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (*khoản 1, 2 Điều 43*).

2.3. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân (Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 43)

Luật Thủ đô năm 2012 không có quy định về y tế. Thể chế hoá định hướng về phát triển y tế Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, Luật Thủ đô năm 2024 xác định mục tiêu phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân “*Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến và hiện đại phù hợp với cơ cấu, quy mô dân số, địa bàn thực hiện, đáp ứng toàn diện nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, là trung*

¹¹ Tính đến tháng 3/2021, toàn Thành phố đã có 22 trường chất lượng cao, trong đó có 16 trường công lập và 6 trường ngoài công lập. Trong 16 trường công lập chất lượng cao được công nhận có 07 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 04 trường THCS, 02 trường THPT (Báo cáo số 371/BC-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ Tư pháp về tổng kết thi hành Luật Thủ đô).

¹² Theo Điều 8 Luật Giáo dục thì thẩm quyền quy định về chương trình giáo dục là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

tâm lớn về y tế của cả nước và khu vực. Tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình. Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập” (khoản 1 Điều 26).

Để thực hiện mục tiêu trên, Luật Thủ đô năm 2024 đã quy định một số chính sách đặc thù, vượt trội, cụ thể:

a) Về nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở, mạng lưới khám, chữa bệnh y học gia đình¹³

Luật phân quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

+ Việc sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ thanh toán một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình chưa được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình trên địa bàn Thành phố (*điểm a khoản 2 Điều 26*), không phân biệt cơ sở công lập hay ngoài công lập, cơ sở của Trung ương hay của Thành phố;

+ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe nhân dân¹⁴ (*điểm d khoản 2 Điều 26*).

Các quy định này góp phần tháo gỡ khó khăn về nguồn lực tài chính và nhân lực cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, tạo điều kiện khuyến khích các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập tham gia thực hiện việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình¹⁵. Luật cũng giao UBND Thành phố quy định việc đăng ký cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, quản lý hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác có phạm vi hoạt động chuyên môn về y học gia đình trên địa bàn Thành phố (*điểm c khoản 3 Điều 26*).

b) Về phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập¹⁶

¹³ Mạng lưới y tế công cộng, dự phòng, phục vụ công tác dịch tễ, chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh của Hà Nội đã được hình thành gồm: 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội và 579 trạm y tế xã, phường thuộc 30 Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã (trong đó, hiện đã có 82,73% trạm y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình so với mức 47,8% vào năm 2019 khi mới triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình) (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi)).

¹⁴ Quy định này nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển y tế tại Chi thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.

¹⁵ Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác có phạm vi hoạt động chuyên môn về y học gia đình thực hiện (đã được quy định trong Luật Khám bệnh, chữa bệnh). Tuy nhiên, các trạm y tế gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai: thiếu bác sĩ có chất lượng phù hợp làm việc trực tiếp tại trạm y tế, nhất là trạm y tế xã; các dịch vụ chuyên sâu tại trạm y tế chưa thể thanh toán bằng bảo hiểm y tế; số lượng cơ sở hành nghề y tư nhân thực hành nguyên lý y học gia đình còn khá hạn chế

¹⁶ Cấp cứu ngoại viện là một trong nhóm những dịch vụ y tế khẩn cấp nhằm nỗ lực giảm thiểu những tổn thất về tính mạng và sức khỏe. Các dịch vụ cấp cứu cấp cứu ngoại viện bao gồm chăm sóc cấp cứu y tế ngoại viện, các dịch vụ vận chuyển bằng xe cứu thương... Hoạt động cấp cứu ngoại viện hiện nay có sự tham gia của nhiều thành phần, bao gồm các trung tâm vận chuyển cấp cứu 115, tổ vận chuyển cấp cứu ngoại viện của các cơ sở y tế công lập và cơ sở vận chuyển cấp cứu ngoại công lập... Việc phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện có vai trò quan

Luật phân quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định:

+ Việc sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ thanh toán dịch vụ cấp cứu ngoại viện (*điểm b khoản 2 Điều 26*).

+ Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán (*điểm c khoản 2 Điều 26*).

Luật giao Ủy ban nhân dân Thành phố xác định lộ trình phát triển và tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thành phố gồm Bệnh viện 115, Trung tâm điều phối cấp cứu, Trung tâm đào tạo cấp cứu và mạng lưới cấp cứu, trạm cấp cứu 115 và các tổ cấp cứu ngoại viện của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (*điểm b khoản 3 Điều 26*).

Đây là một giải pháp đặc thù, có tính đột phá không chỉ nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại Thủ đô mà còn nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ bảo hiểm y tế do pháp luật hiện hành chưa có quy định về mạng lưới, hoạt động điều phối cấp cứu ngoại viện và giá dịch vụ này. Công tác cấp cứu người bệnh tại chỗ và vận chuyển cấp cứu người bệnh đến các cơ sở điều trị là vấn đề cấp thiết và quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Việc hình thành một mạng lưới cấp cứu ngoại viện để đảm trách công tác cấp cứu ngoại viện trong đời sống hàng ngày cũng như trong tình huống có thảm họa là hướng đi đúng đắn và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội, làm giảm nguy cơ bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên, giảm nguy cơ bệnh nhân chuyển nặng khi dịch vụ cấp cứu ngoại viện kịp thời cấp cứu vào “thời điểm vàng” của bệnh nhân, từ đó giảm gánh nặng bệnh tật và tài chính khám, chữa bệnh sau này cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.

c) Về biện pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới

- Luật giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế của Thủ đô tại nước ngoài, cập nhật, chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực y, dược, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, y tế công cộng cho cơ sở y tế công lập của Thành phố (*điểm d khoản 2 Điều 26*).

- Áp dụng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, về thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư có các Dự án

trọng giúp giảm thiểu nguy cơ tử vong và giảm mức độ thương tật cho người bệnh, đặc biệt đối với các trường hợp nguy kịch, từ đó giảm gánh nặng bệnh tật và tài chính cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội. Phát triển hệ thống mạng lưới cấp cứu ngoại viện cũng giúp bệnh nhân có khả năng tiếp cận được chăm sóc y tế kịp thời và phù hợp hơn.

Công tác cấp cứu người bệnh tại chỗ và vận chuyển cấp cứu người bệnh đến các cơ sở điều trị là vấn đề cấp thiết và quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Việc hình thành một mạng lưới cấp cứu ngoại viện để đảm trách công tác cấp cứu ngoại viện trong đời sống hàng ngày cũng như trong tình huống có thảm họa là hướng đi đúng đắn và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội (khoản 1, 2 Điều 43).

2.4. Chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (Điều 27; điểm đ khoản 1, 4 Điều 43)

Nghị quyết số 15-NQ/TW đã đề ra chủ trương : “ Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu”. Thể chế hoá chủ trương này, Luật Thủ đô năm 2024 đã quy định “Xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý, nước sạch, nhà ở xã hội, tiếp cận thông tin” (khoản 1 Điều 27).

Luật Thủ đô năm 2024 quy định một số chính sách đặc thù về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Cụ thể :

a) Về chính sách xã hội

Luật giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đối tượng cần hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, vay mua nhà ở xã hội; hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội; Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm việc làm cho hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm nghiệp trong trường hợp không bố trí được đất sản xuất (khoản 2 Điều 27).

b) Về chính sách an sinh, phúc lợi xã hội

Luật giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng và mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, đối tượng khác, bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người thuộc hộ cận nghèo, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, hỗ trợ đối với các đối tượng khác theo mức cao hơn hoặc hỗ trợ cho đối tượng chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thành phố (khoản 3 Điều 27).

Đây là chính sách an sinh xã hội ưu việt của Thành phố nhằm góp phần ngăn chặn bệnh tật từ sớm, từ xa, giảm chi phí điều trị và tăng chất lượng sống cho người cao tuổi, cần thiết và phù hợp với bối cảnh khi thành phố Hà Nội có tốc độ già hóa dân số nhanh nhưng số năm sống khỏe mạnh lại khá thấp.

Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định rõ đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thành phố; từng bước mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng và bố trí ngân sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố (khoản 4 Điều 27).

c) Áp dụng ưu đãi đầu tư

Ưu đãi đầu tư đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng nhằm huy động nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước thực hiện chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Quy định tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khuyến khích, động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán và được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại Thành phố (khoản 4 Điều 43).

3. Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển khu công nghệ cao (Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 36 và một số điều khoản khác).

Nghị quyết số 15-NQ/TW đã xác định nhiệm vụ: “...Lấy khoa học công nghệ cao và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển kinh tế- xã hội Thủ đô; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước. Thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội”.

Luật Thủ đô năm 2024 kế thừa, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung mới so với quy định tại Điều 13 của Luật Thủ đô năm 2012; quy định chính sách, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3.1. Các quy định đặc thù, nổi trội để thực hiện mục tiêu về phát triển khoa học, công nghệ

a) Xác định các lĩnh vực khoa học, công nghệ trọng điểm và chính sách ưu đãi

Luật Thủ đô năm 2024 xác định các lĩnh vực khoa học, công nghệ trọng điểm của Thủ đô (khoản 1 Điều 23) và áp dụng các ưu đãi nhằm thu hút, phát huy tối đa tiềm lực của các chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức khoa học, công nghệ tham gia chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm (khoản 2 Điều 23), thu hút nhân tài là công dân Việt Nam, người nước ngoài vào các hoạt động khoa học, công nghệ nói chung (khoản 1 Điều 16); áp dụng các ưu đãi về thuế thu nhập đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực trọng điểm (điểm a, b khoản 3 Điều 43); các ưu đãi đầu tư cho các dự án sử dụng hoặc phát triển công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo (điểm đ, e Khoản 1 Điều 43), đặc biệt là ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược cho các dự án, ngành nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ (điểm b, c khoản 1 Điều 42).

b) Quy định biện pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc về cơ chế quản lý khoa học

- Áp dụng phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm của Thủ đô, dự án thử nghiệm cấp thành phố; áp

dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học, công nghệ; cơ chế chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập nếu đáp ứng đủ điều kiện về năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm để phục vụ quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Thành phố cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ để hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm, nhận chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, qua đó thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ của Thủ đô (*khoản 3 Điều 23*)

- Cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác trên địa bàn Thành phố được thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chính cơ sở, tổ chức đó; Cho phép viên chức làm việc tại cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác trên địa bàn Thành phố được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở, tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ sở tổ chức (*khoản 4 Điều 23*).

Đây là quy định mang tính đột phá trong Luật Thủ đô năm 2024. Quy định này nhằm thể chế hoá Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương¹⁷, khuyến khích các nhà khoa học, người làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ tại Hà Nội tích cực đổi mới sáng tạo, phát huy kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng thiết thực, tham gia vào quá trình thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ, mang lại giá trị kinh tế cho chính các trường, viện để tái đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo và giá trị kinh tế chung cho toàn xã hội.

c) Cho phép thành phố Hà Nội áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có tính đổi mới sáng tạo trong điều kiện thực tế với phạm vi được giới hạn, dưới sự kiểm soát đặc biệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một số lĩnh vực có khả năng mang lại giá trị, hiệu quả cao về kinh tế- xã hội mà pháp luật chưa có quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc quy định hiện hành của pháp luật không còn phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh¹⁸ để thúc đẩy Thủ đô đi đầu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo (*Điều 25*).

¹⁷ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đề ra nhiệm vụ có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để thành lập doanh nghiệp đa sở hữu trong các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thực hiện hoạt động ứng dụng, triển khai, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

¹⁸ Quy định này là bước đầu thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó đưa ra chủ trương: “Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm”.

Các nội dung cốt lõi, quan trọng nhất của cơ chế thử nghiệm có kiểm soát gồm:

- Tổ chức, doanh nghiệp được cho phép thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ do luật định, cụ thể:

+ Các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm có tính đổi mới sáng tạo có phạm vi ứng dụng, triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội, ưu tiên đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh triển khai trong phạm vi khu công nghệ cao, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố (*điểm a khoản 3 Điều 25*).

+ Các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm có triển vọng mang lại giá trị, hiệu quả cao về kinh tế- xã hội, ưu tiên trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia, biến đổi, chỉnh sửa gen người; không xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (*điểm b khoản 3 Điều 25*).

+ Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thử nghiệm phải có phương án thử nghiệm; cam kết trách nhiệm đối với sự an toàn của người dùng và bên có liên quan; các biện pháp kiểm soát rủi ro; cơ chế giải quyết khiếu nại của người dùng; phạm vi và các biện pháp bồi thường thiệt hại; đồng thời phải cung cấp thông tin, tài liệu chứng minh năng lực phù hợp với phương án thử nghiệm đã đề xuất (*điểm c khoản 3 Điều 25*).

+ Phạm vi giới hạn thử nghiệm được đề xuất phù hợp với năng lực kiểm soát của chính quyền Thành phố (*điểm d khoản 3 Điều 25*). Luật cũng quy định rõ thời hạn thử nghiệm có kiểm soát tối đa là 03 năm và có thể được gia hạn 01 lần không quá 3 năm (*khoản 1 Điều 25*).

- Luật quy định các nguyên tắc cho phép và thực hiện thử nghiệm có kiểm soát (*khoản 4 Điều 25*); các nội dung bắt buộc phải có trong Quy chế thử nghiệm riêng cho từng công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hay mô hình kinh doanh do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định (*khoản 8 Điều 25*); quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm (*khoản 7 Điều 25*); trách nhiệm và các trường hợp được miễn hoặc loại trừ trách nhiệm pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện thử nghiệm cũng như của cơ quan và cán bộ, công chức trực tiếp hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm (*điểm d khoản 4 Điều 25*).

- Luật cũng quy định chi tiết quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc ban hành thể chế để cụ thể hoá về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn và chấm dứt việc thử nghiệm có kiểm soát (*khoản 9 Điều 25*); trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc cho phép, tổ chức hướng dẫn và kiểm soát quá trình thử nghiệm (*khoản 6 Điều 25*). Một quy định đặc thù, vượt trội của Luật là cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể phù hợp với yêu cầu, mục đích thử nghiệm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở đánh giá về mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát (*khoản 5 Điều 25*).

- Luật quy định trách nhiệm của Chính phủ, trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân

dân Thành phố, tổ chức xem xét, đánh giá kết quả, hiệu quả các nội dung thử nghiệm có kiểm soát để quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định ban hành mới, sửa đổi, bổ sung pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan làm cơ sở cho việc áp dụng chính thức công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh đã được thử nghiệm (*khoản 10 Điều 25*).

d) Thành phố Hà Nội được thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước

Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô nhằm hỗ trợ, đổi mới sáng tạo và thương mại hoá sản phẩm khoa học, công nghệ.

Quỹ đầu tư mạo hiểm được bố trí vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ đầu tư mạo hiểm được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn (*khoản 1 Điều 36*).

Luật quy định Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, trong đó xác định rõ hình thức tổ chức hoạt động của Quỹ; thời gian hoạt động của Quỹ; mức hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố; phương thức đầu tư, đối tượng hợp tác, nhận vốn đầu tư; cơ chế đánh giá, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố (*khoản 2 Điều 36*).

Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt đề án, quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Quỹ, ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm (*khoản 3 Điều 36*).

3.2. Về quản lý, phát triển khu công nghệ cao (Điều 24)

Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học*”.

Thế chế hoá định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, để chính quyền Thành phố Hà Nội có đủ thẩm quyền thực thi các chính sách, giải pháp đặc thù, nổi trội trong quản lý, phát triển khu công nghệ cao, Luật Thủ đô năm 2024 quy định phân quyền, phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền Thành phố Hà Nội. Đồng thời, cho phép áp dụng cơ chế phân cấp, uỷ quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ban quản lý Khu công nghệ cao- một tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một số nhiệm vụ quản lý tổ chức, hoạt động của khu công nghệ cao. Cụ thể:

- Phân quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, điều

chỉnh, mở rộng ranh giới khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố; ban hành quy chế hoạt động của các khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập (*khoản 1 Điều 24*).

- Quy định nhiều nhiệm vụ, quyền hạn cho Ban Quản lý khu công nghệ cao để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, chấp thuận nhu cầu sử dụng và cấp phép sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao, cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi khu công nghệ cao (*khoản 3 Điều 24*).

- Luật xác định vị trí đặc biệt của Khu công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của đất nước và Thủ đô; là điểm thử nghiệm, thí điểm về cơ chế, chính sách cho việc phát triển công nghệ cao và các khu công nghệ cao trong cả nước (*khoản 2 Điều 24*).

Tương xứng với vị trí hạt nhân của Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Luật Thủ đô năm 2024 quy định các chính sách đặc thù, vượt trội áp dụng đối với Khu công nghệ cao Hòa Lạc nhằm tạo cơ sở pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và xã hội cần thiết thực hiện mục tiêu thu hút các tập đoàn đa quốc gia, các nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực công nghệ cao, thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội. Luật Thủ đô năm 2024 quy định các chính sách đặc thù cho khu Khu công nghệ cao Hòa Lạc:

+ Ngân sách Thành phố bố trí vốn để đầu tư xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, xây dựng nhà lưu trú phù hợp với quy hoạch để bố trí cho người lao động làm việc tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc thuê trong thời gian làm việc (*điểm a khoản 2 Điều 24*);

+ Nhà nước cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án thực hiện các loại hình hoạt động công nghệ cao có sử dụng đất (*điểm b khoản 2 Điều 24*);

+ Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ mục tiêu dự án sang nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo hoặc cung ứng dịch vụ công nghệ cao và tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư, quỹ đất đã được giao, cho thuê để thực hiện dự án theo mục tiêu chuyển đổi (*điểm c khoản 2 Điều 24*).

+ Thảm quyền giao đất, cho thuê đất, quản lý đất đai trong phạm vi Khu công nghệ cao Hòa Lạc thực hiện theo phân cấp, uỷ quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố (*điểm b khoản 1 Điều 24*).

Để tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng, khai thác tối đa, kịp thời và hiệu quả tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Luật Thủ đô năm 2024 có những quy định có tính đột phá như quy định tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng,

cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong Khu công nghệ cao Hoà Lạc được xác định là tài sản công hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản đó mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân (*điểm đ khoản 2 Điều 24*); đặc biệt là quy định về giao quyền cho Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đối với nơi không tổ chức Hội đồng quản lý có cơ sở trong Khu công nghệ cao Hoà Lạc, bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, được quyết định sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động công nghệ cao, khởi nghiệp sáng tạo và hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc (*điểm d khoản 2 Điều 24*); Hội đồng nhân dân Thành phố và các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung trên đối với các sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của mình (*khoản 4, 5 Điều 24*).

4. Về phát triển nông nghiệp, nông thôn (*Điều 32; Điều 42; khoản 2, điểm e khoản 1; khoản 5 Điều 43*)

Đây là nội dung mới so với Luật Thủ đô năm 2012. Thể chế hoá các nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 15-NQ/TW¹⁹, Luật Thủ đô năm 2024 quy định mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn như sau: “*Phát triển nông nghiệp Thủ đô theo hướng nông nghiệp sinh thái, bền vững; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế - xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trong nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu quả kinh tế cao*” (*khoản 1 Điều 32*).

Luật Thủ đô năm 2024 quy định nhiều chính sách đặc thù để phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân của Thủ đô. Cụ thể:

4.1. Luật giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp đối với các lĩnh vực gồm: giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống; công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm; hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản; phát triển các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm; phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề

¹⁹ Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định nhiệm vụ “Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; phân đầu trở thành địa phương đi đầu trong *phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc”

và các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (*khoản 2 Điều 32*).

Quy định này nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao và công nghệ quản lý tiên tiến, hiện đại trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời bảo tồn và phát huy được bản sắc nông thôn, truyền thống văn hóa và các làng nghề; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

4.2. Luật phân quyền mạnh mẽ cho Thành phố quy định các biện pháp đặc thù về sử dụng đất nông nghiệp

a) Sử dụng đất kết hợp đa mục đích trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được bố trí đất nông nghiệp sử dụng vào việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp²⁰, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, giáo dục trải nghiệm, du lịch sinh thái (*khoản 1 Điều 32*). Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch, giáo dục trải nghiệm tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (*điểm b khoản 3 Điều 32*); Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định cấp phép xây dựng các công trình để phục vụ trực tiếp việc sản xuất nông nghiệp tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (*khoản 4 Điều 32*).

Quy định này nhằm tháo gỡ khó khăn về việc xây dựng trên đất nông nghiệp đối với một số hoạt động về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp với các hoạt động thương mại, dịch vụ; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp...

b) Sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê

Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm bảo đảm nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, quy hoạch xây dựng, quy hoạch khác có liên quan (*điểm a khoản 3 Điều 32*); Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép sử dụng quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê (*khoản 4 Điều 32*).

²⁰ Thông thường, các công trình phụ trợ này là khu vực kho, sân phơi, khu sơ chế, gian hàng giới thiệu sản phẩm, khu vực xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm nông nghiệp...

Quy định này nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả diện tích bãi sông, bãi nổi trên địa bàn Thành phố, trong đó tập trung cho hướng phát triển nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái kết hợp tham quan, giáo dục trải nghiệm, du lịch trải nghiệm để đem lại giá trị kinh tế cao, tránh lãng phí, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

4.3. Áp dụng ưu đãi đầu tư

Áp dụng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, về thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải; dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án phát triển làng nghề truyền thống (khoản 1,2 Điều 43).

4.4. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

Thu hút nhà đầu tư chiến lược vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển khu công nghệ cao bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố (điểm a, b khoản 1 Điều 42). Nhà đầu tư chiến lược có các quyền, quyền lợi và nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 5 Điều 43.

5. Về bảo vệ môi trường (Điều 28)

Nghị quyết số 15-NQ/TW xác định yêu cầu với Thủ đô: *“Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí; xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước các hệ thống sông, hồ; các chương trình chống úng, ngập; hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, cây xanh đô thị... theo quy hoạch.”*

Thế chế hoá Nghị quyết số 15-NQ/TW, Luật Thủ đô năm 2024 quy định việc quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô tuân theo các nguyên tắc: *“Phát triển bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, lịch sử của Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch”* (khoản 1 Điều 28).

Dựa trên các nguyên tắc trên, nhằm hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, từng bước cải thiện và bảo đảm thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường trên địa bàn Thành phố, Luật phân quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chính sách, biện pháp đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5.1. Xác định vùng phát thải thấp và các biện pháp được áp dụng trong Vùng

- Vùng phát thải thấp quy định trong Luật Thủ đô năm 2024 được hiểu là khu vực được xác định để hạn chế các phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường nhằm cải thiện chất lượng không khí (khoản 6 Điều 3). Hội đồng nhân dân Thành phố được giao quyền quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác

định vùng phát thải thấp; quyết định phạm vi vùng phát thải thấp và các biện pháp được áp dụng trong vùng theo lộ trình phù hợp (*điểm a khoản 2 Điều 28*)²¹.

Quy định này nhằm giải quyết vướng mắc trong thực tế do pháp luật hiện hành mới chỉ quy định các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với các phân vùng môi trường nhưng chưa quy định cụ thể các biện pháp khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đầu tư cho các phương thức sản xuất, kinh doanh cũng như sử dụng, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ có mức độ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô.

5.2. Quyết định các biện pháp liên quan đến phương tiện giao thông và hạ tầng giao thông nhằm hạn chế phát thải

Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; quy định các biện pháp hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường; hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch (*điểm b khoản 2 Điều 28*).

Quy định này nhằm mục đích giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường, chống ùn tắc giao thông ở Thủ đô trong bối cảnh hiện tại chưa có quy định về kiểm định khí thải định kỳ cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đang lưu hành, phương tiện vận tải đường thủy, Hà Nội cũng chưa có quy chuẩn khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ²². Đây cũng là chính sách đã được áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 2/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Quy định các biện pháp hỗ trợ việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn (điểm c khoản 2 Điều 28)²³

Quy định này sẽ khuyến khích di dời cơ sở sản xuất trong khu dân cư, làng nghề nông thôn, góp phần giảm tải áp lực lên môi trường do quá trình hoạt động của các cơ sở sản xuất, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

²¹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã quy định quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải, quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ của phân vùng môi trường đối với Vùng bảo vệ nghiêm ngặt (các khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm khu vực nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt), Vùng hạn chế phát thải (vùng đệm của Vùng bảo vệ nghiêm ngặt) nhưng chưa quy định các biện pháp thực hiện cụ thể để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện đó.

²² Hiện nay Hà Nội đang thực hiện Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với 05 Quy chuẩn Thủ đô Hà Nội ở mức cao và nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn quốc gia nhưng chưa có quy chuẩn khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

²³ Theo Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong giai đoạn 2021 - 2030: (i) Sẽ phát triển 07 làng nghề kết hợp với du lịch; hạn chế phát triển hoặc chuyển hướng nghề mới, hoặc di dời vào cụm công nghiệp các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với 06 làng nghề; xử lý ô nhiễm môi trường 20 làng nghề; nâng cấp cơ sở hạ tầng (20 làng nghề) (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Luật Thủ đô (sửa đổi))

5.4. Quy định biện pháp giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; quy định biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (điểm d khoản 2 Điều 28).

Vấn đề giảm phát thải nhựa được quy định tại Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 mới chỉ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức việc thu gom, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn. Luật Thủ đô năm 2024 đã quy định bổ sung các biện pháp hiệu quả hơn để có thể giảm phát thải nhựa ngay từ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sinh hoạt²⁴; quy định các biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác thải.

6. Về phát triển nhà ở; phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông

6.1. Về phát triển nhà ở (Điều 29)

Trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 16 Luật Thủ đô năm 2012 về quản lý, phát triển nhà ở, Luật Thủ đô năm 2024 xác định mục tiêu, yêu cầu: “*Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố phải phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, các khu nhà ở xã hội độc lập theo hướng hiện đại, thuận tiện, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội*” (khoản 1 Điều 29).

Luật Thủ đô năm 2024 quy định một số biện pháp đặc thù để phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô như sau:

a) Quy định đặc thù đối với việc phát triển nhà ở xã hội

- Khác với quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Thủ đô năm 2024 quy định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phát triển nhà ở xã hội phải được lập đồng thời với việc lập đề án quy hoạch chi tiết và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan cùng một thời điểm; nhưng việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết phát triển nhà ở xã hội (điểm a khoản 2 Điều 29).

Việc cho phép thực hiện đồng thời hai hoạt động này sẽ rút ngắn thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết và lập đề án quy hoạch chi tiết theo tuần tự trước sau, nhờ đó giúp đẩy nhanh tiến độ lập dự án đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tăng nguồn cung nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô, đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay.

- Luật giao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội độc lập nhằm bảo đảm chất lượng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của các dự án khu nhà ở xã hội độc lập, qua đó đảm bảo tốt nhu cầu sinh sống, làm việc của người dân tại các khu nhà ở xã hội này (điểm b khoản 2 Điều 29).

²⁴ Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, nguồn phát thải bụi mịn PM2.5 chính ở Thủ đô Hà Nội được phân bố 29% từ các hoạt động công nghiệp, 26% từ đốt rơm rạ ngoài trời, 23% từ bụi đường, 15% từ giao thông và 7% từ các nguồn khác (đốt gia dụng, thương mại, làng nghề và rác thải rắn) (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về Báo cáo Đánh giá tác động chính sách của Luật Thủ đô (sửa đổi)).

b) Quy định đặc thù đối với cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư

Luật quy định trường hợp không lựa chọn được chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi đất nhà chung cư, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất sau khi có từ hai phần ba tổng số chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi ranh giới dự án trở lên đồng thuận. Số tiền thu được từ việc đấu giá quyền sử dụng đất lớn hơn số tiền chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục được phân chia và chi trả cho từng chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất (*khoản 3 Điều 29*).

Quy định nhằm tạo cơ sở pháp lý để thành phố Hà Nội thực hiện có hiệu quả việc quản lý, cải tạo nhà chung cư, đồng thời, có cơ chế mạnh mẽ hơn để xử lý những bất cập trong thực tiễn liên quan đến cải tạo nhà chung cư hiện nay²⁵.

c) Quy định cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án phát triển nhà ở, nhà lưu trú

Luật giao quyền Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án phát triển nhà ở, nhà lưu trú bố trí cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố (*khoản 4 Điều 29*). Quy định này nhằm thu hút nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của việc phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

6.2. Về phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông (Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 42)

Kết luận số 80-KL/TW ngày 24/5/2024 của Bộ Chính trị về Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 xác định nhiệm vụ: “*Đẩy mạnh khâu đột phá về kết cấu hạ tầng, trong đó ưu tiên quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị. Phát triển hệ thống giao thông công cộng tích hợp giữa các loại hình xe đạp, xe buýt và đường sắt đô thị gắn với lộ trình và cơ chế đột phá nhằm chuyển đổi giao thông xanh*”.

Điều 30 Luật Thủ đô năm 2024 quy định phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông trên cơ sở kế thừa cơ bản nội dung Điều 18 Luật Thủ đô năm 2012, đồng thời bổ sung quy định phân quyền mạnh hơn cho Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội trong việc ban hành các chính sách, giải pháp đặc thù, đột phá, cụ thể:

- Chính sách đầu tư và huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình bảo đảm an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thành phố (*khoản 1 Điều 30*);

- Chính sách phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác đường sắt đô thị, xe buýt, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô và sử dụng các phương tiện giao thông phát thải thấp; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm để giảm ùn tắc giao thông, giảm phát thải; áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông (*khoản 2 Điều 30*). Thu hút nhà đầu tư chiến lược vào đầu tư phát triển đường sắt đô thị, giao thông

²⁵ Luật Nhà ở năm 2023 không quy định về trường hợp các chủ sở hữu nhà chung cư, người sử dụng đất không lựa chọn được chủ đầu tư (theo Điều 67) và Nhà nước đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũng không thành công (Điều 68).

công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng (*điểm a khoản 1 Điều 42*);

- Chính sách phát triển đường vành đai, trung tâm logistic, hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn Thành phố và kết nối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động liên kết, phát triển vùng với Thủ đô (*khoản 3 Điều 30*);

- Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải (*khoản 4 Điều 30*);

- Chính sách quản lý, khai thác đường đô thị, đường sắt đô thị, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, văn minh đô thị (*khoản 5 Điều 30*).

6.3. Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (Điều 31)

Nghị quyết số 15-NQ/TW đề ra phương hướng: “*Khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị Hà Nội thông minh, hiện đại, từng bước tạo ra và hoàn thiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)*”.

a) Khái niệm mô hình TOD

Luật Thủ đô năm 2024 quy định: “*Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (gọi tắt là mô hình TOD) là giải pháp quy hoạch, cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt đô thị hoặc điểm kết nối giao thông có sử dụng phương thức vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn khác làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khỏe cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa*”.

Khu vực TOD là khu vực bao gồm nhà ga, đề-pô đường sắt đô thị, điểm đón, trả khách của các loại hình vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn khác và vùng phụ cận được xác định theo quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết có liên quan để xây dựng tuyến giao thông, đường sắt đô thị kết hợp cải tạo, chỉnh trang đô thị, đầu tư phát triển đô thị (*khoản 1 Điều 31*).

Việc thực hiện các dự án TOD nhằm mục tiêu quy hoạch sử dụng đất và dự trữ đất nhằm huy động hiệu quả giá trị của các lô đất thuộc vùng phụ cận các nhà ga đường sắt đô thị tạo thêm nguồn lực để đầu tư phát triển đường sắt đô thị, tạo sự đồng bộ trong phát triển đô thị và giao thông.

Hình thành các khu đô thị trong khu vực TOD với các chức năng hỗn hợp bao gồm: dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng.

Mô hình này đã được nhiều quốc gia phát triển và một số quốc gia trong khu vực như Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc) thực hiện thành công, hiệu quả.

b) Luật quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phép Thành phố thực hiện trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư và tài chính liên quan đến phát triển mô hình TOD

- Quy định đặc thù trong việc lập, quyết định, quản lý quy hoạch hệ thống đường sắt đô thị, quy hoạch tuyến giao thông có sử dụng phương thức vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn khác và khu vực TOD (*khoản 2 Điều 31*):

+ Ủy ban nhân dân Thành phố được điều chỉnh chức năng sử dụng cho các khu đất trong khu vực TOD nhằm khai thác quỹ đất và giá trị tăng thêm từ đất (*điểm a khoản 2 Điều 31*);

+ Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định áp dụng các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các yêu cầu về không gian và sử dụng đất khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (*điểm b khoản 2 Điều 31*);

+ Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt phương án tuyến đường sắt đô thị hoặc quy định chi tiết khu vực TOD tại những khu vực đã có quy hoạch phân khu hoặc tương đương đã được phê duyệt và có giá trị thay thế nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu vực có liên quan mà không cần làm thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch (*điểm c khoản 2 Điều 31*).

- Quy định ưu tiên áp dụng mô hình TOD trong việc đầu tư phát triển đường sắt đô thị với các biện pháp đặc thù (*khoản 3 Điều 31*):

+ Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị theo mô hình TOD theo phân kỳ đầu tư trong từng giai đoạn; quyết định việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập (*điểm a khoản 3 Điều 31*);

+ Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị theo mô hình TOD, quyết định đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án thành phần đã được Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*điểm b khoản 3 Điều 31*);

+ Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định lựa chọn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các tuyến đường sắt đô thị của Thành phố (*điểm d khoản 3 Điều 31*).

- Quy định đặc thù về thu và sử dụng các khoản thu trong khu vực TOD (*khoản 4 Điều 31*). Theo đó, Thành phố được thu một số khoản thu từ diện tích sàn xây dựng tăng thêm; từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất trong khu vực TOD, phí cải thiện hạ tầng và được sử dụng 100% khoản thu đó để phát triển hệ thống đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng, hạ tầng kỹ thuật kết nối với hệ thống vận tải hành khách công cộng²⁶. Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phương pháp xác định mức thu; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu tiền đối với các khoản thu trong khu vực TOD bảo đảm không trùng thu với các loại thuế, phí khác (*khoản 5 Điều 31*).

Với các quy định tại Điều 31, Luật Thủ đô năm 2024 đặt ra các nguyên tắc cơ bản cho việc phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông có sử dụng phương thức vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, mà ưu tiên trước mắt là hệ thống đường sắt đô thị trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian, đơn giản thủ tục cho việc xác định các quy hoạch có liên quan và quyết định chủ trương đầu tư,

²⁶ Theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Luật Thủ đô và Báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội ngày 19/10/2023, đến năm 2023 đã sử dụng Ngân sách nhà nước hơn 39.500 tỷ đồng cho 04 dự án đường sắt đô thị ở Hà Nội và để đầu tư cho các tuyến đường sắt đô thị còn lại đến năm 2045 theo Quyết định số 519/QĐ-TTg thì cần khoảng 321.484 tỷ đồng (tương đương 13.31 tỷ USD).

khai thác có hiệu quả hệ thống đường sắt đô thị và các khu vực TOD, bảo đảm mục tiêu hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố vào năm 2035 được nêu tại Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

7. Về biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (Điều 33)

Trên cơ sở kế thừa Điều 20 của Luật Thủ đô năm 2012, Luật Thủ đô năm 2024 đã bổ sung một số nội dung mới có tính đặc thù, nổi trội nhằm nâng cao hiệu quả các biện pháp hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản, tính mạng nhân dân. Cụ thể:

7.1. Mở rộng phạm vi lĩnh vực và địa bàn áp dụng việc nâng mức xử phạt vi phạm hành chính

Luật Thủ đô năm 2024 quy định thêm 06 lĩnh vực là quảng cáo, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường và an ninh, trật tự, an toàn xã hội nâng mức xử phạt vi phạm hành chính so với 03 lĩnh vực văn hoá, đất đai và xây dựng đã được quy định tại Luật Thủ đô năm 2012; Mở rộng địa bàn áp dụng ra toàn thành phố so với quy định chỉ thực hiện ở khu vực nội thành theo Luật Thủ đô năm 2012 (*điểm a khoản 1 Điều 33*).

Như vậy, Hội đồng nhân dân Thành phố được quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định và không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với một số hành vi vi phạm hành chính thuộc 09 lĩnh vực: văn hoá, đất đai, xây dựng, quảng cáo, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường và an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Việc bổ sung các lĩnh vực và mở rộng địa bàn áp dụng mức phạt hành vi vi phạm hành chính là rất cần thiết trong bối cảnh đô thị hoá trên địa bàn Thành phố đang diễn ra nhanh chóng, số lượng vi phạm hành chính ở khu vực ngoại thành trong các lĩnh vực trên diễn ra khá phổ biến, tăng nhanh, có lĩnh vực tương đương, thậm chí cao hơn khu vực nội thành, nhiều vi phạm rất phức tạp và khó xử lý nhưng mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp bảo đảm thi hành theo quy định của pháp luật hiện hành chưa bảo đảm tính răn đe, chưa bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong xã hội²⁷.

7.2. Quy định việc áp dụng biện pháp hành chính ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trường hợp thật cần thiết để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố (khoản 2 Điều 33)²⁸

²⁷ Từ năm 2016 đến năm 2020 tăng 2.526 vụ cháy nổ, 29 người chết, thiệt hại về tài sản là 576 tỷ đồng; tính đến 19/4/2023 trên địa bàn Thành phố còn 2601 công trình chưa được nghiệm thu về PCCC đã đưa vào hoạt động (Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật thủ đô (sửa đổi))

²⁸ Ở Thủ đô, thực tiễn áp dụng trong một thời gian ngắn (1/2018) biện pháp ngừng cung cấp điện, nước đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị (theo Nghị định 180/2008/NĐ-CP) cho thấy biện pháp này có tác động rất lớn đến đối tượng thực hiện hành vi vi phạm, mục đích, hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đạt được, phù hợp với thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật hiện nay.

- Đối tượng bị áp dụng biện pháp ngừng cung cấp dịch vụ điện nước gồm:
 - + Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung quy định trong giấy phép xây dựng; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;
 - + Công trình xây dựng trên đất bị lấn, chiếm theo quy định của pháp luật về đất đai;
 - + Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt về thiết kế phòng cháy, chữa cháy nhưng chưa được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy;
 - + Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt;
 - + Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy mà đã đưa vào hoạt động;
 - + Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke) không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy;
 - + Công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ và đã có quyết định di dời khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.
- Người có thẩm quyền yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện nước: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp này.

- Trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ điện nước: Phải dừng cung cấp dịch vụ ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền, bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, thời hạn; thông báo cho người sử dụng dịch vụ về việc ngừng cung cấp dịch vụ và thể hiện quyền ngừng cung cấp dịch vụ trong hợp đồng sử dụng dịch vụ điện, nước (*khoản 3 Điều 33*).

- Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết trường hợp áp dụng và việc thực hiện biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước (*khoản 4 Điều 33*).

Việc quy định cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết nhằm bảo đảm việc áp dụng biện pháp được công khai, minh bạch, có đầy đủ cơ sở để tổ chức thực hiện một cách khả thi và hiệu quả.

Phần IV. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ (Chương IV)

Nghị quyết số 15-NQ/TW định hướng: “*Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Thủ đô về văn hoá, khoa học, công nghệ. Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế...; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội*”.

Luật Thủ đô năm 2024 thể chế hoá định hướng này của Nghị quyết số 15-NQ/TW theo hướng đẩy mạnh phân quyền trong lĩnh vực đầu tư, đơn giản hóa quy trình thủ tục đầu tư, tăng cường biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, đa dạng hóa mô hình, phương thức đầu tư mới, qua đó giúp thu hút đầu tư xã hội để hỗ trợ cho

nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài sản công nhằm thực hiện các mục tiêu đầu tư phát triển Thủ đô Hà Nội xanh, thông minh, hiện đại²⁹.

1. Về huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 34)

1.1. Các nguồn thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố

Các nguồn thu gồm: ngân sách trung ương trích thường cho ngân sách Thành phố (*khoản 1 Điều 34*); ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố đảm bảo ngân sách trung ương không hụt thu và không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước (*khoản 2, 3 Điều 34*).

1.2. Các nguồn thu mới bổ sung cho ngân sách Thành phố

- Nguồn thu từ việc áp dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Việc thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố phải có lộ trình; phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước (*khoản 4 Điều 34*).

- Nguồn thu từ việc Ủy ban nhân dân Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước, nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại và từ nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp, trường hợp cần huy động vốn vay lớn hơn mức này để thực hiện dự án trọng điểm của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định. Hàng năm Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố (*khoản 6 Điều 34*).

- Nguồn thu từ việc ngân sách Thành phố được giữ lại toàn bộ phần ngân sách trung ương được hưởng theo tỷ lệ phân chia các khoản thu tiền sử dụng đất,

²⁹ Theo tính toán, trong giai đoạn 2026 -2030, nhu cầu chi đầu tư phát triển của Thành phố là 715 nghìn tỷ, trong khi đó ngân sách Thành phố chỉ có thể đáp ứng được 312,56 nghìn tỷ; vì vậy con số thiếu hụt này cần có nhiều giải pháp đồng bộ để huy động nguồn lực đầu tư (Báo cáo số 59/BC-BTP ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp về Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Thủ đô (sửa đổi)).

tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tập trung tạo nguồn lực ưu tiên hỗ trợ di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở thuộc danh mục phải di dời quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thủ đô năm 2024 và hỗ trợ thực hiện các dự án trọng điểm của Thủ đô (*khoản 7 Điều 34*).

- Nguồn thu từ việc ngân sách Thành phố được hưởng 100% khoản thu từ giao dịch tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon sử dụng ngân sách Thành phố (*khoản 8 Điều 34*).

- Nguồn thu từ việc đổi mới phương thức khai thác tài sản công trong một số lĩnh vực (hình thức hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý để khai thác các công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao, công trình kiến trúc có giá trị; sử dụng tài sản công cho thuê, liên doanh, liên kết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản công) (*khoản 1,2,3 Điều 41*).

2. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô (Điều 35)

Luật Thủ đô năm 2024 quy định các chính sách đặc thù nhằm tạo thể chế thông thoáng, thuận lợi cho Thủ đô linh hoạt, chủ động bố trí, sử dụng ngân sách phục vụ đầu tư phát triển, khắc phục những vướng mắc của Luật Ngân sách và Luật đầu tư công hiện hành. Cụ thể, Luật trao quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố:

2.1. Quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương

Quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương, thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thành phố với tổng mức chi không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức do Thành phố quản lý sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do trung ương và thành phố ban hành (*điểm a, b khoản 1 Điều 35*).

2.2. Quyết định sử dụng ngân sách Thành phố

- Hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho đối tượng thuộc danh mục phải di dời theo quy định (*điểm c khoản 1 Điều 35*).

- Hỗ trợ các cơ quan trung ương thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố, hỗ trợ các địa phương khác trong nước hoặc hỗ trợ quốc gia khác trong trường hợp cần thiết; cho phép đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ đơn vị hành chính cấp huyện khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị đơn vị hành chính cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các

chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (điểm d khoản 1 Điều 35).

- Thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án có tính chất liên kết, phát triển vùng giữa Thủ đô với địa phương khác, dự án quốc lộ, đường cao tốc đi qua địa bàn Thành phố phù hợp với quy hoạch (điểm đ khoản 1 Điều 35).

2.3. Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố

Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với các nhiệm vụ chi sử dụng ngân sách Thành phố cao hơn hoặc chưa có trong quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố (điểm e khoản 1 Điều 35)³⁰.

3. Về đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 36)

(Đã giới thiệu tại mục 3 (phần III)- Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển khu công nghệ cao thuộc)

4. Về thẩm quyền về đầu tư (Điều 37)

Ngoài thẩm quyền đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, Luật Thủ đô năm 2024 đẩy mạnh phân quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực đầu tư:

4.1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và các dự án đầu tư công, dự án PPP không sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố như sau:

+ Dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD không giới hạn tổng mức vốn đầu tư, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên, di dân tái định cư từ 50.000 người trở lên (điểm a khoản 2 Điều 37).

+ Dự án đầu tư công, dự án PPP không giới hạn tổng mức vốn đầu tư trừ dự án nêu trên, dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật,

³⁰ Quy định này khác với quy định tại khoản 10 Điều 25 Luật Ngân sách nhà nước, theo đó, Chính phủ “quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước, đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể”, Bộ trưởng Bộ Tài chính “quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực”.

dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (*điểm b khoản 2 Điều 37*).

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn Thành phố có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao (*khoản 3 Điều 37*).

4.2. Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án

Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các dự án sau đây:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 300 ha đến dưới 500 ha hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên, trừ dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (*khoản 4 Điều 37*).

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và nước ngoài; quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực, phương thức thực hiện, phương thức thanh toán khác với quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm và nhu cầu xây dựng, phát triển Thủ đô (*khoản 5 Điều 37*).

Quy định này giúp Thành phố có thể chủ động lựa chọn áp dụng thống nhất một tiêu chuẩn, quy chuẩn chung tiên tiến, có tính phổ biến, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý, vận hành, giảm mức đầu tư, tiết kiệm chi phí, đồng thời cũng giúp khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay trong nhiều lĩnh vực khác.

5. Về tách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng, phương thức thực hiện dự án đầu tư; một số phương thức thực hiện dự án đầu tư

5.1. Về tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập (Điều 38)

Luật cho phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Thành phố, khi quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định, dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tương tự như cơ chế, chính sách đặc thù đã được áp dụng cho tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội (*khoản 1 Điều 38*).

- Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Thành phố quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*khoản 2 Điều 38*).

5.2. Về một số phương thức thực hiện dự án đầu tư

Để thu hút đầu tư xã hội, Luật Thủ đô năm 2024 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù khác với pháp luật hiện hành:

a) *Quy định đặc thù đối với thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư*

- Bổ sung hai lĩnh vực văn hóa, thể thao được thực hiện đầu tư theo phương thức PPP (*khoản 1 Điều 39*);

- Hội đồng nhân dân Thành phố được xem xét, quyết định việc tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không bảo đảm khả năng hoàn vốn (*khoản 2 Điều 39*).

b) *Quy định đặc thù đối với thực hiện hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)*

Luật Thủ đô năm 2024 quy định cụ thể, chặt chẽ hơn các nguyên tắc, điều kiện đối với việc thanh toán hợp đồng BT bằng ngân sách nhà nước hoặc bằng quỹ đất, bảo đảm minh bạch, khả thi khi thực hiện; các nội dung cụ thể sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Xác định rõ lĩnh vực và điều kiện được thực hiện đầu tư theo hợp đồng BT gồm: giao thông vận tải, thủy lợi, thoát nước, xử lý nước thải với quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu không thấp hơn 200 tỷ đồng, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước (*khoản 2 Điều 40*).

- Quy định chặt chẽ thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện dự án, thanh toán, quyết toán dự án và thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đối với từng loại dự án đầu tư theo hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước và thanh toán bằng quỹ đất (*khoản 3 Điều 40*).

- Xác định cụ thể các trường hợp được áp dụng thanh toán bằng ngân sách nhà nước đối với hợp đồng BT (*dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển; dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch*); tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư; nguồn vốn thanh toán và thời điểm thanh toán (*khoản 4 Điều 40*).

- Xác định cụ thể các trường hợp được áp dụng thanh toán bằng quỹ đất; tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư; xác định thời điểm giao đất, thời điểm kinh doanh, khai thác dự án đối ứng có sử dụng đất (*khoản 5 Điều 40*).

Những quy định này một mặt tạo thêm phương tiện và phương thức để Thủ đô phát huy tối đa nguồn lực cho phát triển, mặt khác có thể khắc phục những rủi ro, hạn chế của các quy định về BT và quá trình triển khai hình thức BT trước đây.

5.3. Về quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác công trình hạ tầng (Điều 41)

Đây là quy định mới, đặc thù nhằm tạo cơ chế nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công do các cơ quan, tổ chức, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng. Luật Thủ đô năm 2024 quy định hai biện pháp có tính đột phá, nổi trội:

a) Cho phép cơ quan, tổ chức đang được giao quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình được quyền ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý.

Luật quy định cơ quan, tổ chức đang được giao quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao, công trình kiến trúc có giá trị được ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình với nhà đầu tư, doanh nghiệp để khai thác công trình, hạng mục công trình trong thời gian nhất định. Đây là biện pháp phù hợp, giúp huy động nguồn lực xã hội tham gia, hợp tác với Nhà nước, giúp Nhà nước, nhà đầu tư thu được lợi ích kinh tế cao hơn từ việc hợp tác; tạo nguồn thu để tái đầu tư, bảo dưỡng, phát triển công trình, tăng khả năng tự chủ của các đơn vị sự nghiệp (khoản 1,2 Điều 41).

Luật giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương quyết định danh mục công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của mình được phép nhượng quyền khai thác, quản lý; quy định nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục thực hiện việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố hoặc thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tương ứng (khoản 4, 5 Điều 41).

Quy định này tạo điều kiện khai thác tối đa hiệu quả không gian, hạ tầng của các công trình, hạng mục công trình văn hoá, thể thao, công trình kiến trúc có giá trị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đồng thời cũng mở ra cơ hội cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Trung ương sử dụng cơ chế nhượng quyền, quản lý công trình, hạng mục công trình văn hoá, thể thao trên địa bàn Thành phố.

b) Cho phép đơn vị sự nghiệp công lập đang được sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Luật quy định việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trong sử dụng tài sản công để cung cấp các dịch vụ cho hoạt động công nghệ cao, cung cấp thiết bị dùng chung, không gian làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và trình diễn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị (khoản 3 Điều 41).

Luật giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (khoản 4 Điều 41); Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục lập,

lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (*khoản 6 Điều 41*).

5.4. Về thu hút nhà đầu tư chiến lược (Điều 42)

Với mục tiêu tạo cơ chế thuận lợi, hấp dẫn để thu hút nhà đầu tư có năng lực tham gia đầu tư các dự án, ngành, nghề ưu tiên, bảo đảm việc thực hiện thành công các dự án mà Thủ đô ưu tiên thu hút đầu tư, đồng thời tạo hiệu ứng giúp thu hút nhiều nhà đầu tư khác tham gia đầu tư, góp phần tạo đột phá trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, Luật Thủ đô năm 2024 quy định:

a) Các dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô (khoản 1 Điều 42)

- Đầu tư xây dựng đô thị vệ tinh, phát triển đường sắt đô thị, giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, phát triển khu công nghệ cao, xử lý ô nhiễm môi trường;

- Công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phát triển và chế tạo hệ thống đầu máy, toa xe, thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch.

b) Quy định về điều kiện của nhà đầu tư chiến lược (khoản 2 Điều 42)

- Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề, lĩnh vực thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô;

- Chứng minh được năng lực về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có quy mô vốn tương đương với quy mô dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược;

- Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về việc nội địa hóa, cam kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Quy định trình tự, thủ tục đề xuất dự án đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Luật quy định trình tự, thủ tục đề xuất dự án đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược (*khoản 3, 4 Điều 42*); trách nhiệm của nhà đầu tư chiến

lược đã được lựa chọn nếu không thực hiện đúng các cam kết với Thành phố trong quá trình thực hiện dự án đầu tư (*khoản 6 Điều 42*).

d) Quy định các ưu đãi đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược

Đối với nhà đầu tư chiến lược, để tránh xung đột với chính sách thuế tối thiểu toàn cầu, Luật Thủ đô năm 2024 không quy định ưu đãi về thuế mà quy định nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước cao hơn ưu đãi đầu tư chung; ưu đãi về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu của dự án đầu tư; hỗ trợ phát triển nhân lực, hạ tầng và công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ cao, ưu đãi, hỗ trợ khác do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định để đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong thu hút nhà đầu tư chiến lược (*khoản 5 Điều 42 và khoản 5 Điều 43*).

5.5. Về ưu đãi đầu tư (Điều 43)

Các quy định ưu đãi đầu tư được quy định trong Luật Thủ đô năm 2024 nhằm thu hút, huy động nguồn lực cho việc đầu tư, phát triển hạ tầng, đô thị, nhà ở, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nông nghiệp, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường của Thủ đô. Cụ thể:

- Quy định các dự án đầu tư được ưu đãi thuộc các lĩnh vực phát triển Thủ đô: thể thao và các ngành công nghiệp văn hóa, cơ sở giáo dục, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội, hoạt động công nghệ cao, công nghệ thông tin đổi mới, sáng tạo, môi trường, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... (*khoản 1 Điều 43*).

- Quy định các ưu đãi dành cho các nhà đầu tư có dự án thuộc các lĩnh vực được ưu đãi: ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (*khoản 2 Điều 43*).

- Quy định các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô, bao gồm cả ưu đãi dành cho doanh nghiệp và ưu đãi dành cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo (*khoản 3 Điều 43*).

- Quy định ưu đãi cho tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án cơ ở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quy định ưu đãi đối với các nhà đầu tư chiến lược (*khoản 4, 5 Điều 43*).

Phần V. LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG (Chương V)

Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đối với Hà Nội phải: “*Phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng*

Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển”³¹ và xác định: “Phát triển Thủ đô Hà Nội Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”.

Nghị quyết số 06-NQ/TW cũng xác định: “Xây dựng các chính sách để tăng cường liên kết, phối hợp giữa Thủ đô, các tỉnh trong vùng Thủ đô trên các lĩnh vực trọng điểm, có tính chất liên kết vùng để huy động, sử dụng, phân bổ hợp lý, hiệu quả mọi nguồn lực, hướng tới xây dựng, phát triển vùng Thủ đô trở thành khu vực phát triển nhanh, bền vững về kinh tế - xã hội, xanh, văn minh, năng động, trở thành khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước, tháo gỡ các vướng mắc về chính sách tạo động lực để huy động vốn đầu tư cho vùng Hà Nội và vùng Thành phố Hồ Chí Minh”.

Thê chế hoá các chủ trương tại các Nghị quyết trên của Đảng, Luật Thủ đô năm 2024 đã quy định cụ thể các nội dung sau:

1. Mục tiêu, nguyên tắc liên kết, phát triển vùng (Điều 44)

Luật Thủ đô năm 2024 quy định việc liên kết, phát triển vùng của thành phố Hà Nội không chỉ giới hạn trong phạm vi 10 tỉnh, thành phố thuộc khu vực vùng Thủ đô như hiện nay mà còn bao hàm cả việc liên kết, phát triển với các địa phương khác trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng trung du miền núi phía Bắc và các tỉnh, thành phố khác.

- Luật quy định Thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng động lực phía Bắc có trách nhiệm liên kết, phát triển theo các chương trình, dự án phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hệ thống quy hoạch quốc gia. Trong đó, Thủ đô Hà Nội được xác định là trung tâm, động lực thúc đẩy liên kết, phát triển, là cực tăng trưởng của vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng động lực phía Bắc và của cả nước (khoản 1 Điều 44).

- Luật quy định 04 nguyên tắc, phát triển vùng, trong đó có nguyên tắc thực hiện phối hợp, liên kết phát triển thông qua kế hoạch, chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và nguyên tắc việc chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể được giao cho địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp, liên kết (khoản 2 Điều 44). Các nguyên tắc này tạo cơ sở cho việc thiết lập và vận hành một mô hình liên kết phát triển vùng mới, linh hoạt theo tinh thần chủ động, cộng đồng trách nhiệm giữa các địa phương trong liên kết phát triển vùng.

2. Chương trình, dự án liên kết phát triển vùng (Điều 45)

³¹ Vùng Thủ đô có 10 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam và Hòa Bình, trong đó có 6 tỉnh thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng và 4 tỉnh thuộc Vùng Trung du miền núi phía Bắc (theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội)

Luật Thủ đô năm 2024 xác định chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng là chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, trong đó có thành phố Hà Nội.

Luật không quy định cụ thể các lĩnh vực liên kết trong vùng mà để các địa phương, cơ quan hữu quan ở trung ương chủ động trong việc đề xuất, triển khai các chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng phù hợp với quy mô, tính chất và nhu cầu cũng như khả năng tham gia, đóng góp của mỗi địa phương.

3. Nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng (Điều 46)

Luật quy định ngân sách trung ương, ngân sách địa phương ưu tiên bố trí để triển khai thực hiện chương trình, dự án liên kết phát triển vùng; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương tham gia vào chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng. Nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng trong các trường hợp cụ thể như sau:

- Chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng có sử dụng ngân sách nhà nước theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố (với vai trò là đại diện của các địa phương và sau khi đã được HĐND cấp tỉnh của các địa phương có liên quan thông nhất, đồng thuận triển khai) và được ngân sách trung ương ưu tiên bố trí một phần hoặc toàn bộ, ưu tiên bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương cho các tỉnh thuộc liên kết vùng tham gia thực hiện chương trình, dự án hoặc ngân sách trung ương giao bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện chương trình, dự án (khoản 1, 6 Điều 46 và khoản 2 Điều 45);

- Chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng huy động nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (khoản 2 Điều 46);

- Chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác (khoản 3 Điều 46);

- Chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia (khoản 4 Điều 46);

- Chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; trong trường hợp này các chương trình, dự án được hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 43 Luật Thủ đô năm 2024 (khoản 5 Điều 46).

4. Trách nhiệm của Bộ, ngành và các địa phương tham gia vào chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng (Điều 47)

Luật Thủ đô năm 2024 quy định ngoài các trách nhiệm bình đẳng với các địa phương khác tham gia chương trình, dự án liên kết phát triển vùng, chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì phối hợp đề xuất, triển khai thực hiện chương trình, dự án liên kết phát triển vùng trong từng lĩnh vực; Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội bảo đảm cân đối ngân sách triển khai thực hiện chương trình, dự án liên kết, phát triển vùng.

Phần VI. GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA VÀ TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ THỦ ĐÔ; ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH (Chương VI, Chương VII)

1. Giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong xây dựng, quản lý, phát triển Thủ đô

Luật Thủ đô năm 2024 quy định trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan như sau:

- Quốc hội giám sát tối cao, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành Luật Thủ đô (*Điều 48*).

- Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về Thủ đô; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đơn giản, rút ngắn trình tự, thủ tục nội bộ giữa các cơ quan và thủ tục hành chính, xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố; định kỳ 3 năm tổ chức sơ kết việc thi hành Luật Thủ đô, báo cáo Quốc hội (*Điều 49*).

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực; quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Thủ đô năm 2024 (*Điều 50*).

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động liên kết, phát triển vùng với Thủ đô có trách nhiệm phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về liên kết, phát triển vùng (*Điều 51*).

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và Nhân dân Thủ đô (*Điều 52*)

+ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội đơn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô năm 2024 thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các quy định của Luật; bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật; Tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Thủ đô; quyết định những vấn đề của Thành phố trong phạm vi được phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của Luật và quy định khác của pháp luật có liên quan...

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên giám sát việc thực hiện chính sách, quy định của Luật Thủ đô năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành; phản biện xã hội đối với các

văn bản quy phạm pháp luật mà Luật giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành.

+ Cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô phải không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Nhân dân Thủ đô có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Thủ đô.

2. Điều khoản thi hành

Luật Thủ đô năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Các quy định sau đây của Luật Thủ đô năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025:

- Việc quản lý, sử dụng không gian ngầm quy định tại Điều 19;
- Việc thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa quy định tại khoản 8 Điều 21;
- Việc phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số quy định tại Điều 23;
- Việc thử nghiệm có kiểm soát quy định tại Điều 25;
- Việc thực hiện hợp đồng xây dựng - chuyên giao quy định tại Điều 40.

Luật Thủ đô năm 2012, Nghị quyết số 97/2019/QH14, Nghị quyết số 160/2021/QH14, Nghị quyết số 115/2020/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp

Luật Thủ đô năm 2024 đã quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 54.